

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Đức Võ

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Đức Võ
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Đức Võ

Mã SV: 1112401428

Lớp: QT1501K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần

Công trình Giao thông Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán vốn bằng tiền.

- Phản ánh được thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.

- Đưa ra những nhận xét chung về công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm : 2012

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 08 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 11 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Vũ Đức Võ

Lê Thị Nam Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN	2
1.1. Khái niệm, vai trò, yêu cầu quản lý, nhiệm vụ và nguyên tắc của kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Khái niệm và vai trò của kế toán vốn bằng tiền.....	2
1.1.1.1. Khái niệm và nội dung của vốn bằng tiền.....	2
1.1.1.2. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền.	2
1.1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	3
1.1.2.1. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.....	3
1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	3
1.1.3. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.....	3
1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền.....	4
1.2.1. Phân loại vốn bằng tiền.	4
1.2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ.	4
1.2.2.1 Nguyên tắc quản lý tiền mặt.....	4
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt.....	5
1.2.2.3. Quy định hạch toán tiền mặt tại quỹ.	6
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.....	7
1.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng.	14
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng.....	14
1.2.3.2. Các quy định khi hạch toán tiền gửi ngân hàng.....	14
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.....	15
1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển.....	18
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền đang chuyển.	18
1.2.4.2. Phương pháp hạch toán 1 số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.....	18
1.3. Sổ sách kế toán hạch toán vốn bằng tiền.	19
1.3.1. Sổ kế toán tổng hợp.....	19
1.3.1.1. Sổ thu tiền.....	19
1.3.1.2. Sổ chi tiền.....	20

1.3.1.3. Sổ cái tiền mặt và sổ cái tiền gửi ngân hàng.....	20
1.3.1.4. Sổ kế toán chi tiết trong kế toán vốn bằng tiền.....	20
1.3.2. Các hình thức sổ kế toán.....	21
1.3.2.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	21
1.3.2.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	23
1.3.2.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	24
1.3.2.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	25
1.3.2.5. Hình thức kế toán Kế toán máy.....	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG	27
2.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.....	27
2.1.1. Giới thiệu về công ty.....	27
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.....	27
2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất - kinh doanh của công ty.....	28
2.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất – kinh doanh.....	28
2.1.5. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.....	28
2.1.6. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý.....	29
2.1.6.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty.....	29
2.1.6.2. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý:.....	30
2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.....	32
2.2.1. Mô hình bộ máy kế toán tại công ty.....	32
2.2.2. Chức năng nhiệm vụ của bộ máy kế toán:.....	32
2.2.3. Tổ chức hệ thống kế toán của công ty.....	33
2.2.3.1. Các chính sách kế toán chung.....	33
2.2.3.2. Thiết lập và tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:.....	34
2.3. Sơ đồ chứng từ kế toán của công ty.....	35
2.4. Kết quả kinh doanh của Công ty trong 2 năm 2011 – 2012.....	36
2.5. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.....	37
2.5.1. Kế toán tiền mặt tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.....	37
2.5.1.1. Chứng từ Công ty sử dụng.....	37
2.5.1.2. Tài khoản sử dụng.....	39
2.5.1.3. Sổ sách Công ty sử dụng hạch toán tiền mặt.....	39

2.5.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty CP Công trình Giao thông Hải Phòng.....	52
2.5.2.1. Chứng từ Công ty sử dụng.....	52
2.5.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng.....	54
2.5.2.3. Sổ sách Công ty sử dụng.....	54
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG	67
3.1. Đánh giá chung.....	67
3.1.1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.....	67
3.1.2. Nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền.....	68
3.1.2.1. Ưu điểm.....	68
3.1.2.2. Nhược điểm.....	70
3.2. Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.....	70
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện:.....	70
3.2.2. Mục đích và yêu cầu hoàn thiện.....	71
3.3. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức và khắc phục nhược điểm công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.....	71
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	78

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

NVL	Nguyên vật liệu
CCDC	Công cụ dụng cụ
TSCĐ	Tài sản cố định
SX	Sản xuất
KH – KT	Khoa học kỹ thuật
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NH	Ngân hàng
TK	Tài khoản
TM	Tiền mặt
TGNH	Tiền gửi ngân hàng
DN	Doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
GTGT	Giá trị gia tăng

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là một phần hết sức quan trọng trong doanh nghiệp. Vốn bằng tiền có sức thanh khoản cao nhất nó dễ dàng phục vụ cho các mục đích thanh toán tức thời trong quan hệ thanh toán. Vốn bằng tiền còn quyết định một phần sự tồn tại của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Công tác hạch toán vốn bằng tiền cho ta thấy được số vốn bằng tiền hiện có của doanh nghiệp, tình hình biến động tăng giảm các loại vốn bằng tiền của doanh nghiệp. Giúp cho nhà quản trị cũng như nhà quản lý của đơn vị dễ dàng đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn, có các biện pháp sử dụng vốn phù hợp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sử dụng vốn để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Xuất phát từ những nhận thức trên, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng, em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền và chọn đề tài viết khóa luận tốt nghiệp là: **“Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng”**.

Ngoài phần Mở đầu và phần Kết luận bài khoá luận của em gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán kế toán vốn bằng tiền trong các Doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Hải Phòng.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán của Công ty được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

1.1. Khái niệm, vai trò, yêu cầu quản lý, nhiệm vụ và nguyên tắc của kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm và vai trò của kế toán vốn bằng tiền.

1.1.1.1. Khái niệm và nội dung của vốn bằng tiền.

Quá trình SXKD của DN là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ $T - H - T'$. Trong quá trình đó, luôn có một bộ phận vốn dừng lại ở trạng thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền. Vậy vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động dừng lại ở tình hình thái tiền tệ trong quá trình vận động.

Về mặt nội dung, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

- *Tiền mặt tại quỹ*: bao gồm các loại tiền mặt là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý và các chứng chỉ có giá trị như tiền đang nằm tại quỹ của doanh nghiệp.

- *Các khoản tiền gửi ngân hàng*: là các khoản tiền mặt, vàng bạc, kim loại quý, đá quý của doanh nghiệp đang gửi trong ngân hàng.

- *Tiền đang chuyển*: là các khoản tiền DN đã nộp vào ngân hàng, kho bạc hoặc đã làm thủ tục chuyển từ tài khoản tiền gửi trả cho các đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo (gồm nội tệ, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý).

Trong quá trình SXKD, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của DN hoặc mua sắm vật tư, hàng hoá để SXKD, vừa là kết quả của việc bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán ngay của DN và là một phần vốn lưu động.

1.1.1.2. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền.

Tiền tệ có vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường. Nó kích thích sản xuất và lưu thông hàng hóa, vì trong nền kinh tế thị trường, bất kỳ một cá nhân, hay một DN nào cũng muốn giàu lên buộc họ phải tham gia vào hoạt động kinh tế, mở rộng quy mô sản xuất tốt hơn nữa để bán được nhiều hàng hóa hơn, thu được lợi nhuận cao hơn. Họ không chỉ đi sâu vào mở rộng quy mô theo chiều rộng, mà còn luôn nghiên cứu phát minh sáng

chế KH-KT để nâng cao trình độ sản xuất làm cho mẫu mã hàng hóa ngày một đẹp lên, hấp dẫn người tiêu dùng, nâng cao năng suất sản xuất, tiết kiệm chi phí, tối đa hoá lợi nhuận.

Vai trò thứ hai của tiền tệ đó là công cụ để hạch toán kế toán, hạch toán kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, tính các chi phí, dịch vụ phục vụ cho quá trình quản lý và kinh doanh của DN, phục vụ cho quá trình giám sát của Nhà nước, vì nó là đơn vị duy nhất để đo lường các loại hàng hóa khác.

Vai trò thứ ba của tiền tệ là công cụ tính toán trao đổi hàng hóa trong phạm vi một quốc gia và trên toàn thế giới, nhờ có tiền và việc lưu thông hàng hóa diễn ra một cách nhanh chóng và đạt hiệu quả cao.

1.1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

1.1.2.1. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ.
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò cung cấp quản lý kinh tế kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Hàng ngày, phản ánh tình hình thu - chi và tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ sách, phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót trong việc quản lý và sử dụng tiền mặt.
- Phản ánh tình hình tăng, giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày, giám sát việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để DN có biện pháp hợp lý, giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.

1.1.3. Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền.

- Nguyên tắc tiền tệ thống nhất: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán sử dụng một đơn vị thống nhất là “*Đồng Việt Nam*” của ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phản ánh hoặc một đồng ngoại tệ chính thức được sử dụng hạch toán trong niên độ kế toán.

- Nguyên tắc cập nhật: Kế toán phải phản ánh kịp thời, chính xác số tiền hiện có và các hình thức thu - chi, chi toàn bộ các loại vốn bằng tiền, mở sổ theo dõi chi tiết từng loại ngoại tệ (theo số lượng, trọng lượng, quy cách, độ tuổi, kích thước, giá trị...).

Nguyên tắc hạch toán ngoại tệ: Mọi nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ phải được quy đổi về “*Đồng Việt Nam*” để ghi sổ. Tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua bán thực tế bình quân trên thị trường liên Ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam chính thức công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Vàng, bạc, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng, bạc, đá quý. Còn đối với các đơn vị kinh doanh vàng, bạc, đá quý thì tính theo giá thực tế.

1.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền.

1.2.1. Phân loại vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền của DN bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi (ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính) và tiền đang chuyển, các loại này có thể ở dạng tiền đồng Việt Nam hoặc dạng khác, dù ở dạng nào thì kế toán cũng cần phải phản ánh một cách chính xác kịp thời tình hình biến động, tăng giảm các nguồn vốn bằng tiền của DN.

1.2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ.

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại DN bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại đá quý... Để hạch toán chính xác tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ mọi nghiệp vụ có liên quan đến phiếu thu, phiếu chi, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ không trực tiếp mua, bán hàng hóa, vật tư, kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

1.2.2.1 Nguyên tắc quản lý tiền mặt.

Việc quản lý tiền mặt phải dựa trên nguyên tắc chế độ và thể lệ của ngân hàng đã ban hành, phải quản lý chặt chẽ cả hai mặt thu và chi, tập trung nguồn tiền vào ngân hàng Nhà nước nhằm điều hòa tiền tệ trong lưu thông, tránh lạm phát và bội chi ngân sách, kế toán đơn vị phải thực hiện các nguyên tắc sau:

- Nhà nước quy định ngân hàng là cơ quan duy nhất để phụ trách quản lý tiền mặt. Các doanh nghiệp phải chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ thể lệ quản lý tiền mặt của nhà nước.

- Các xí nghiệp, các tổ chức kế toán và các cơ quan đều phải mở tài khoản tại ngân hàng để gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng để hoạt động.

- Mọi khoản thu bằng tiền mặt bất cứ từ nguồn nào đều phải nộp hết vào ngân hàng trừ trường hợp ngân hàng cho phép tọa chi như các đơn vị ở xa ngân hàng nhất thiết phải thông qua thanh toán ngân hàng. Nghiêm cấm các đơn vị chi thuê, cho mượn tài khoản.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền mặt.

Theo chế độ hiện hành, các đơn vị được phép giữ lại một số tiền mặt trong hạn mức quy định để chi tiêu cho những nhu cầu thường xuyên. Mọi khoản thu, chi tiền mặt bắt buộc phải có phiếu thu, phiếu chi hợp lệ.

Thu tiền mặt nhập quỹ: Dựa vào phiếu thu và các chứng từ có liên quan để kế toán xác định nội dung thu, từ đó xác định tài khoản ghi Có đối ứng với Nợ TK 111. Phiếu thu được lập ra làm 3 liên, sau đó chuyển cho kế toán trưởng soát xét và giám đốc ký duyệt mới chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, thủ quỹ ghi số tiền thực tế nhập (bằng chữ) vào phiếu thu trước khi ký và ghi rõ họ tên.

Chi tiền mặt tại quỹ: Căn cứ vào phiếu chi và các chứng từ có liên quan để kế toán xác định nội dung chi tiền mặt, từ đó xác định tài khoản ghi Nợ đối ứng với Có TK 111. Phiếu chi: kế toán cũng lập làm 3 liên và chỉ sau khi có đủ chữ ký (ký trực tiếp theo từng liên) của người lập phiếu, kế toán trưởng, giám đốc, thủ quỹ mới được xuất quỹ. Sau khi nhận đủ số tiền, người nhận tiền phải trực tiếp ghi rõ số tiền đã được nhận bằng chữ, ký tên, ghi rõ họ tên vào phiếu chi.

Trong 3 liên phiếu thu, phiếu chi thủ quỹ giữ 1 liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền hoặc nhận tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu. Cuối ngày, toàn bộ phiếu thu, chi kèm theo chứng từ gốc được chuyển giao cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Trong trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ngoài DN, liên gửi ra ngoài DN phải được đóng dấu. Đối với việc thu bằng ngoại tệ, trước khi nhập quỹ phải được kiểm tra và lập “bảng kê ngoại tệ” đính kèm phiếu thu và kế toán phải ghi rõ tỷ giá thực tế, đơn giá tại thời điểm xuất quỹ để tính ra tổng số tiền ghi sổ kế toán.

Phiếu thu, phiếu chi được đánh thành từng quyển và phải ghi số từng quyển dùng trong một năm. Trong mỗi phiếu thu, chi phải ghi số quyển, số của từng phiếu thu, chi và phải được đánh liên tục trong một kỳ kế toán.

Bên cạnh phiếu thu, phiếu chi bắt buộc dùng để kế toán tiền mặt thì còn phải lập “biên bản thu tiền”. Biên bản thu tiền được sử dụng trong các trường

hợp thu tiền phạt, thu lệ phí, phí... và các trường hợp khách hàng nộp séc thanh toán nợ. Biên bản thu tiền cũng là chứng từ bắt buộc của DN hoặc cá nhân dùng để biên nhận số tiền hay séc đã thu của người nộp, làm căn cứ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ. Đồng thời để người nộp thanh toán với cơ quan hoặc lưu quỹ. Biên bản thu tiền phải đóng thành quyển và phải đóng dấu của đơn vị, phải đánh số từng quyển. Trong từng quyển phải ghi rõ số hiệu của từng tờ biên lai thu tiền. Số hiệu này được đánh liên tục theo từng quyển. Khi thu tiền phải ghi rõ đơn vị tính là “đồng” (VNĐ) hay USD, EUR... Trong trường hợp thu bằng séc thì biên bản thu tiền được lập thành 2 liên, 1 liên lưu còn 1 liên giao cho người nộp tiền.

Đối với vàng, bạc, đá quý để có căn cứ lập phiếu thu, phiếu chi, mỗi khi phát sinh nghiệp vụ thu, chi vàng, bạc, đá quý thì người kiểm nghiệm phải tiến hành lập “bảng kê vàng, bạc, kim khí đá quý”. Bảng kê này được lập thành 2 liên. Trong đó 1 liên đính kèm phiếu thu (phiếu chi), và chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục xuất, nhập quỹ; liên còn lại giao cho người nộp (hoặc người nhận). Bảng kê vàng bạc, kim khí đá quý phải có đầy đủ chữ ký của kế toán trưởng, người nộp (người nhận), thủ quỹ, người kiểm nghiệm.

Ngoài các chứng từ trên, kế toán tiền mặt còn sử dụng một số chứng từ mang tính hướng dẫn sau:

- Bảng kiểm kê quỹ
- Bảng kê chi tiền.

1.2.2.3. Quy định hạch toán tiền mặt tại quỹ.

Chi hạch toán vào TK 111 các khoản tiền thực tế đã xuất, nhập quỹ.

Các khoản tiền, vàng bạc, kim khí đá quý do các đơn vị các nhân khác lấy cược, ký quỹ thì việc quản lý giống như tài sản đơn vị, riêng vàng bạc kim khí đá quý phải cân, đo, đong, đếm và giám định chất lượng.

Khi nhập, xuất quỹ phải làm đầy đủ thủ tục và phải có phiếu thu, chi hợp lệ theo đúng quy định của chứng từ kế toán.

Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế so sánh với sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ tiền mặt của doanh nghiệp phải tự kiểm tra, xác định nguyên nhân và tìm ra biện pháp giải quyết.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.**TÀI KHOẢN 111 - TIỀN MẶT**

Công dụng: dùng để phản ánh và giám đốc tình hình thu - chi và tồn quỹ tiền mặt. TK 111 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK1111 - Tiền Việt Nam
- TK1112 - Ngoại tệ
- TK 1113 - Vàng bạc, kim khí quý, đá quý

**Nội dung và kết cấu:*

TK 111 - Tiền mặt

<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản TM, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý đã nhập quỹ - Số Tiền mặt thừa ở quỹ Tiền mặt phát hiện khi kiểm kê. - Chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng khi điều chỉnh tỷ giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản Tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý đã xuất quỹ. - Số Tiền mặt thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê. -Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm khi điều chỉnh tỷ giá.
<p>Số dư: Các khoản Tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý, đá quý hiện còn tồn quỹ TM</p>	

TK 1111 - TIỀN VIỆT NAM

TK 1111 - Tiền Việt Nam: phản ánh tình Hình thu chi, thừa thiếu, điều chỉnh tỷ giá, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt, bao gồm cả ngân phiếu.

** Các nghiệp vụ làm tăng tiền mặt:*

(1) *Các khoản thu do bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, từ hoạt động tài chính và hoạt động khác thu bằng tiền mặt:*

- Trường hợp bán hàng, DN chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế, căn cứ phiếu thu ghi:

- Nợ TK 111 (1111) : Số tiền nhập quỹ theo tổng giá thanh toán
- Có TK 511, 512 : Giá bán chưa có thuế
- Có TK 3331 (33311) : Thuế GTGT phải nộp

- Trường hợp bán hàng, DN chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc không chịu thuế GTGT, căn cứ vào phiếu thu, ghi:

Nợ TK 111 (1111) : Số tiền nhập quỹ theo tổng giá thanh toán

Có TK 511, 512

- Các khoản thu từ hoạt động tài chính và các hoạt động khác, ghi:

Nợ TK 111 (1111) : Số tiền nhập quỹ theo tổng giá thanh toán

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 : Thu nhập từ hoạt động khác

Có TK 3331 (33311) Thuế GTGT phải nộp

(2) Khi rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 (1111) : Số tiền nhập quỹ tăng thêm

Có TK 112 : ghi giảm tiền gửi ngân hàng

(3) Khi thu hồi tiền tạm ứng thừa, ghi:

Nợ TK 111 (1111) : Số tiền thu hồi nhập quỹ

Có TK 141 : Thu hồi tiền tạm ứng còn lại

(4) Khi thu của người mua (kể cả tiền đặt trước của người mua), ghi:

Nợ TK 111 (1111) : Số thu nhập quỹ

Có TK 131 : Phải thu khách hàng

(5) Khi thu hồi các khoản tiền cho vay, ký quỹ, ký cược bằng TM nhập quỹ, ghi:

Nợ TK 111 (1111) : Số tiền thu hồi nhập quỹ

Có TK 128 : Thu hồi đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 228 : Thu hồi đầu tư dài hạn khác

Có TK 144 : Thu hồi các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 244 : Thu hồi các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

(6) Khi thu các khoản thu từ nội bộ, phải thu khác, ghi:

Nợ TK 111 (1111) : Số tiền thu nhập quỹ

Có TK 136 : Các khoản thu từ nội bộ

Có TK 138 : các khoản phải thu khác

(7) Khi nhận tiền đặt cược ký quỹ bằng tiền mặt nhập quỹ, ghi:

Nợ TK 111 (1111) : Số tiền nhập quỹ

Có TK 344 : Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Các nghiệp vụ làm giảm tiền mặt:(1) Khi xuất quỹ tiền mặt để gửi vào ngân hàng ghi:*

Nợ TK 112 : ghi tăng tiền gửi ngân hàng

Có TK 111 (1111) : Số tiền xuất quỹ

(2) Khi xuất quỹ tiền mặt mang đi cầm cố, ký cược, ký quỹ, ghi:

Nợ TK 114 : Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Nợ TK 224 : Ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 111 (1111) : Số tiền xuất quỹ

(3) Khi xuất quỹ TM trả lại tiền nhận ký quỹ, ký cược, các khoản phải trả, ghi:

Nợ TK 311 : Thanh toán tiền nợ, vay ngắn hạn

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Nợ TK 333 : Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Nợ TK 334 : Phải trả người lao động

Nợ TK 344 : Nhận ký quỹ, ký cược

Có TK 111 (1111) : Số tiền xuất quỹ

(4) Khi xuất quỹ tiền mặt dùng vào việc mua chứng khoán, hoặc góp vốn vào đơn vị khác, ghi:

Nợ TK 121 : Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Nợ TK 221 : Đầu tư vào công ty con

Nợ TK 222 : Vốn góp liên doanh

Nợ TK 223 : Đầu tư vào công ty liên kết

Nợ TK 228 : Đầu tư dài hạn khác

Có TK 111 (1111) : Số tiền xuất quỹ

*(5) Khi xuất quỹ tiền mặt dùng để mua tài sản cố định, vật tư, hàng hóa:**- Dùng vào hoạt động SXKD HH, DV chịu thuế GTGT theo PP khấu trừ, ghi:*

Nợ TK 152, 153, 156: Chi vật tư, HH (Theo PP kê khai thường xuyên)

Nợ TK 621: Chi mua vật tư, HH (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Nợ TK 211, 213 : Chi mua tài sản cố định

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 111 (1111) : Tổng giá thanh toán

- Dùng vào hoạt động SXKD, hàng hóa, dịch vụ chịu GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, hoặc không chịu thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 152, 153, 156, 621, 211, 213...

Có TK 111 (1111) : Tổng giá thanh toán

- Dùng cả cho hai loại hoạt động chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và không chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ mà không tách riêng ra được:

Nợ TK 152, 153, 156, 211, 213, 621: Giá mua chưa có GTGT

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111 (1111) : Tổng giá thanh toán

(6) Khi xuất quỹ tiền mặt chi trực tiếp cho hoạt động SXKD ghi:

Nợ TK 627, 641, 642... : Tập hợp chi phí thực tế

Có TK 111 (1111) : Số chi phí thực tế

TK 1112 - NGOẠI TỆ

TK 1112 - Ngoại tệ: phản ánh tình hình thu - chi, thừa thiếu, điều chỉnh tỷ giá, tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt quy đổi theo đồng Việt Nam.

*** Các nghiệp vụ tăng tiền mặt là ngoại tệ:**

(1) Thu ngoại tệ nhập quỹ do bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ:

- Trường hợp DN chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 111 (1112) : Giá thanh toán (theo tỷ giá giao dịch bình quân)

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng (theo tỷ giá giao dịch bình quân)

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp

- Trường hợp DN chịu thuế GTGT theo PP trực tiếp ghi:

Nợ TK 111 (1112) : Giá thanh toán (theo tỷ giá giao dịch bình quân)

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng (theo tỷ giá giao dịch bình quân)

(2) Thu các khoản nợ phải thu bằng ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 (1112) : Theo tỷ giá giao dịch bình quân trên TT ngoại tệ liên NH.

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá

Có TK 131 : Tỷ giá trên sổ kế toán

Có TK 515 : Lãi tỷ giá

(3) Mua ngoại tệ bằng tiền Việt Nam:

Nợ TK 111 (1112) : Số ngoại tệ đã mua theo tỷ giá hạch toán.

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá.

Có TK 515 : Lãi tỷ giá

Có TK 1111, 1121, 331 : Số tiền chi mua thực tế.

(4) DN bán hàng, cung cấp lao vụ, dịch vụ:

Nợ TK 111 (1112) : Doanh thu theo tỷ giá hạch toán.

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá.

Có TK 515 : Lãi tỷ giá.

Có TK 511 : Doanh thu theo tỷ giá thực tế

Có TK 3331 (33311) : Thuế GTGT phải nộp.

(5) Thu tiền đặt trước của người mua:

Nợ TK 111 (1112) : Ghi tăng số ngoại tệ tại quỹ.

Có TK 131 : Số đặt trước của khách hàng.

*** Các nghiệp vụ giảm tiền mặt là tiền gửi ngân hàng.**

(1) Xuất quỹ tiền mặt là ngoại tệ dùng để mua NVL, CCDC, HH, TSCĐ:

Nợ TK 152, 156, 156, 211... : Theo tỷ giá giao dịch bình quân.

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá.

Có TK 111 (1112) : Theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112

Có TK 515 : Lãi tỷ giá

(2) Xuất quỹ tiền mặt là ngoại tệ dùng để trả các khoản nợ phải trả có gốc là ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 311, 315, 331, 333...: Theo tỷ giá đang ghi sổ kế toán các TK nợ phải trả

Nợ TK 635 : Lỗ tỷ giá.

Có TK 111 (1112) : Theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112

Có TK 515 : Lãi tỷ giá

(3) Xuất bán ngoại tệ:

Nợ TK 111 (1111), 112 (1121), 131: Giá bán thực tế

Nợ TN 635 : Lỗ tỷ giá

Có TK 515 : Lãi tỷ giá.

Có TK 111 (1112) : Số ngoại tệ xuất bán theo tỷ giá hối đoái thực tế ghi sổ.

() Cuối kỳ hạch toán nếu có sự biến động về tỷ giá ngoại tệ thì DN đánh giá lại số dư của ngoại tệ trên TK 1112 theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính:*

- Nếu tỷ giá giảm, phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 413

Có TK 111 (1112)

- Nếu tỷ giá tăng, phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 111 (1112)

Có TK 413

TK 1113 - VÀNG, BẠC, KIM KHÍ QUÝ, ĐÁ QUÝ

Các DN SXKD có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim loại quý, đá quý thì phải sử dụng TK 111 (1113) để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của vàng, bạc, đá quý tại quỹ của DN. Riêng với các đơn vị kinh doanh vàng, bạc, đá quý thì sử dụng TK 156 “Hàng hóa” để theo dõi. Giá mua vàng, bạc, đá quý khi nhập được ghi sổ theo giá thực tế mua (giá thanh toán). Khi xuất vàng, bạc, đá quý tính theo giá thực tế đích danh. Nếu có chênh lệch giữa giá xuất và giá thanh toán ở thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 711 hoặc TK 811.

****Đối với các nghiệp vụ làm tăng vàng, bạc, đá quý ghi:***

Nợ TK 111 (1113) : Số vàng, bạc, đá quý tăng.

Có TK 111 (1112) : Số tiền chi mua thực tế.

Có TK 511, 512 : Doanh thu bán hàng thực tế.

Có TK 411 : Nhận góp vốn liên doanh, cấp phát.

Khi sử dụng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý để thanh toán, khoản chênh lệch giữa giá gốc với giá thanh toán được ghi tăng chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

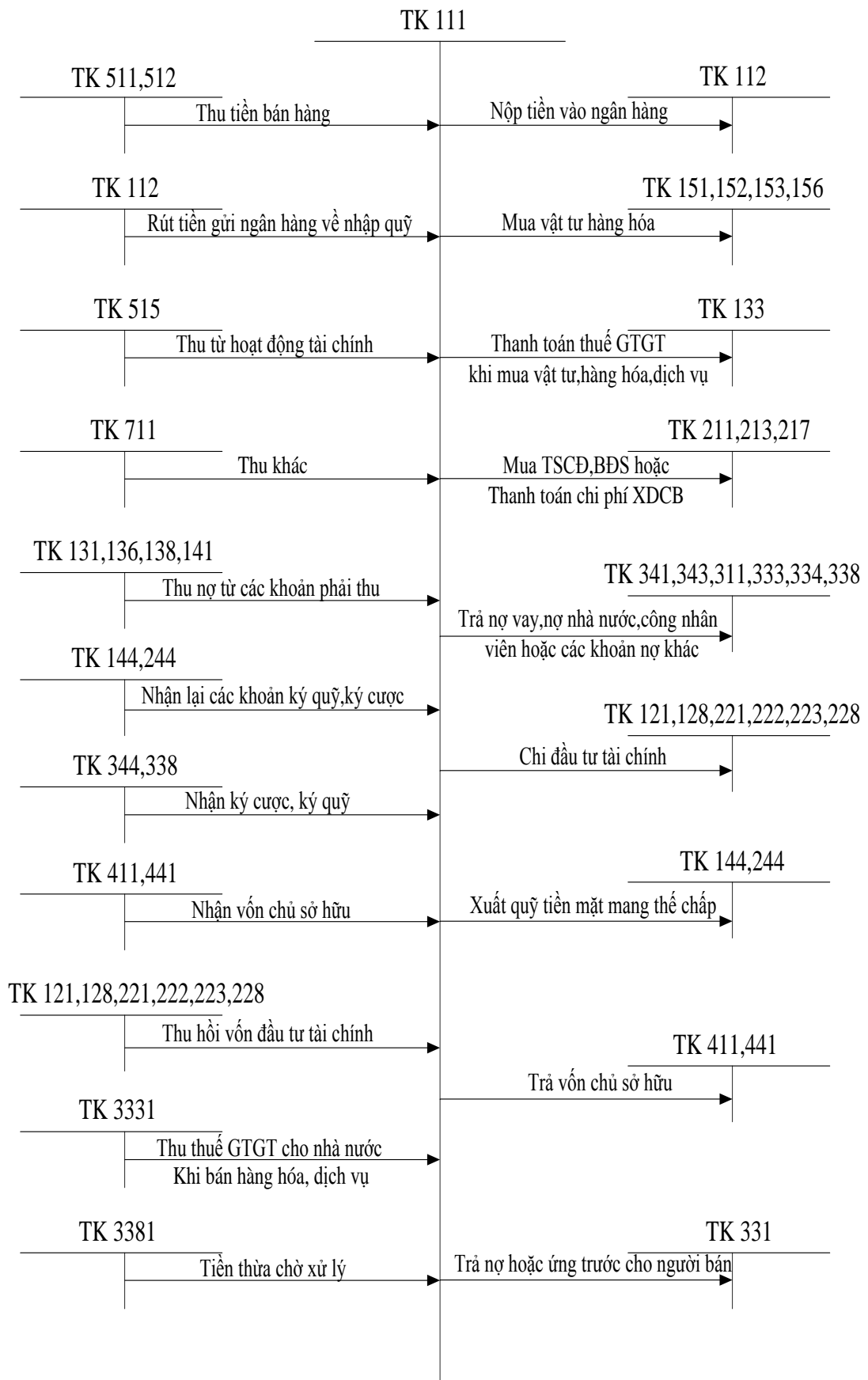
Nợ TK (1111, 1112, 112, 311, 128, 228...) : Giá bán hay giá thanh toán thực tế của vàng, bạc, đá quý.

Nợ TK 635 : Phần chênh lệch giữa giá gốc > giá TT của vàng, bạc, đá quý.

Có TK 515 : Phần chênh lệch giữa giá gốc < giá TT của vàng, bạc, đá quý...

Có TK 111 (1113) : Giá gốc vàng, bạc, đá quý dùng thanh toán.

Sơ đồ 1.1: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TIỀN MẶT (VNĐ)



1.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng.

Trong quá trình SXKD, các khoản thanh toán giữa các DN với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỉ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của DN trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của DN với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản ngân hàng. Các khoản tiền của DN tại ngân hàng bao gồm : tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí đá quý trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi DN phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ để hạch toán tiền gửi ngân hàng là giấy báo có, giấy báo nợ hoặc bảng sao kê của ngân hàng, kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản...)

Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi về, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo, trường hợp phát sinh chênh lệch số liệu trên sổ kế toán của đơn vị với chứng từ của ngân hàng, thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng xem xét và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối tháng vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân thì kế toán sẽ ghi sổ theo giấy Báo Nợ (Báo Có) hoặc bảng sao kê còn chênh lệch đưa vào khoản phải thu khác hoặc phải trả khác, sang tháng sau lại tiếp tục đối chiếu và xác minh.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu xong, thực hiện định khoản ngay trên chứng từ gốc rồi ghi vào sổ kế toán liên quan tùy theo hình thức kế toán mà đơn vị áp dụng.

1.2.3.2. Các quy định khi hạch toán tiền gửi ngân hàng.

Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các DN chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là DN vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa các số

liệu trên sổ kế toán của DN, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì DN phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các tài khoản chờ xử lý (TK 1383 – tài sản thiếu chờ xử lý, TK 3381 – tài sản thừa chờ xử lý). Sang kỳ phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.

Trường hợp DN mở tài khoản ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán, kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

TK 112 - TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Để phản ánh số hiện có, tình hình biến động của TGNH, kho bạc và công ty tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng.

Tài khoản 112 được mở 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1121 - Tiền Việt Nam
- TK 1122 - Ngoại tệ
- TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

* Nội dung và kết cấu:

TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

<p>-Các khoản tiền gửi vào ngân hàng hoặc thu qua ngân hàng.</p> <p>- Chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng khi điều chỉnh tỷ giá.</p>	<p>- Các khoản tiền rút ra từ ngân hàng.</p> <p>- Chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng khi điều chỉnh tỷ giá.</p>
<p>Số Dư: Số tiền hiện tại còn gửi lại ngân hàng.</p>	

* Các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Kế toán tăng, giảm tiền gửi ngân hàng cũng tương tự như kế toán tiền mặt, nhưng cần chú ý:

(1) Khi mua ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi ở ngân hàng bằng TGNH, ghi:

Nợ TK 111 (1112) : Theo tỷ giá hạch toán

Nợ TK 112 (1122) : Theo tỷ giá hạch toán

Có TK 112 (1121) : Tỷ giá thực tế

(2) Lãi tiền gửi ngân hàng được hưởng hạch toán vào doanh thu của HĐTC:

Nợ TK 112 : Ghi tăng tiền gửi ngân hàng

Có TK 515 : Số tiền lãi

(3) Các khoản chênh lệch giữa sổ sách DN với sổ sách ngân hàng.

- Nếu số liệu của ngân hàng lớn hơn số liệu của DN:

+ Khi phát hiện ghi:

Nợ TK 112 : phần chênh lệch chờ xử lý.

Có TK 338 (3381 hoặc 3388) : phần chênh lệch chờ xử lý.

+ Tháng sau, đã xác định được nguyên nhân, tùy từng trường hợp kế toán ghi:

Nợ TK 338 (3381 hoặc 3388) : phần chênh lệch chờ xử lý

Có TK 112 : nếu do ngân sách ghi nhầm

Có TK liên quan (511, 131, 515, 711...): nếu do kế toán ghi nhầm

- Nếu số liệu của ngân hàng nhỏ hơn số liệu của DN:

+ Khi phát hiện:

Nợ TK 138 (1381 hoặc 1388) : phần chênh lệch chờ xử lý.

Có TK 112 : phần chênh lệch chờ xử lý.

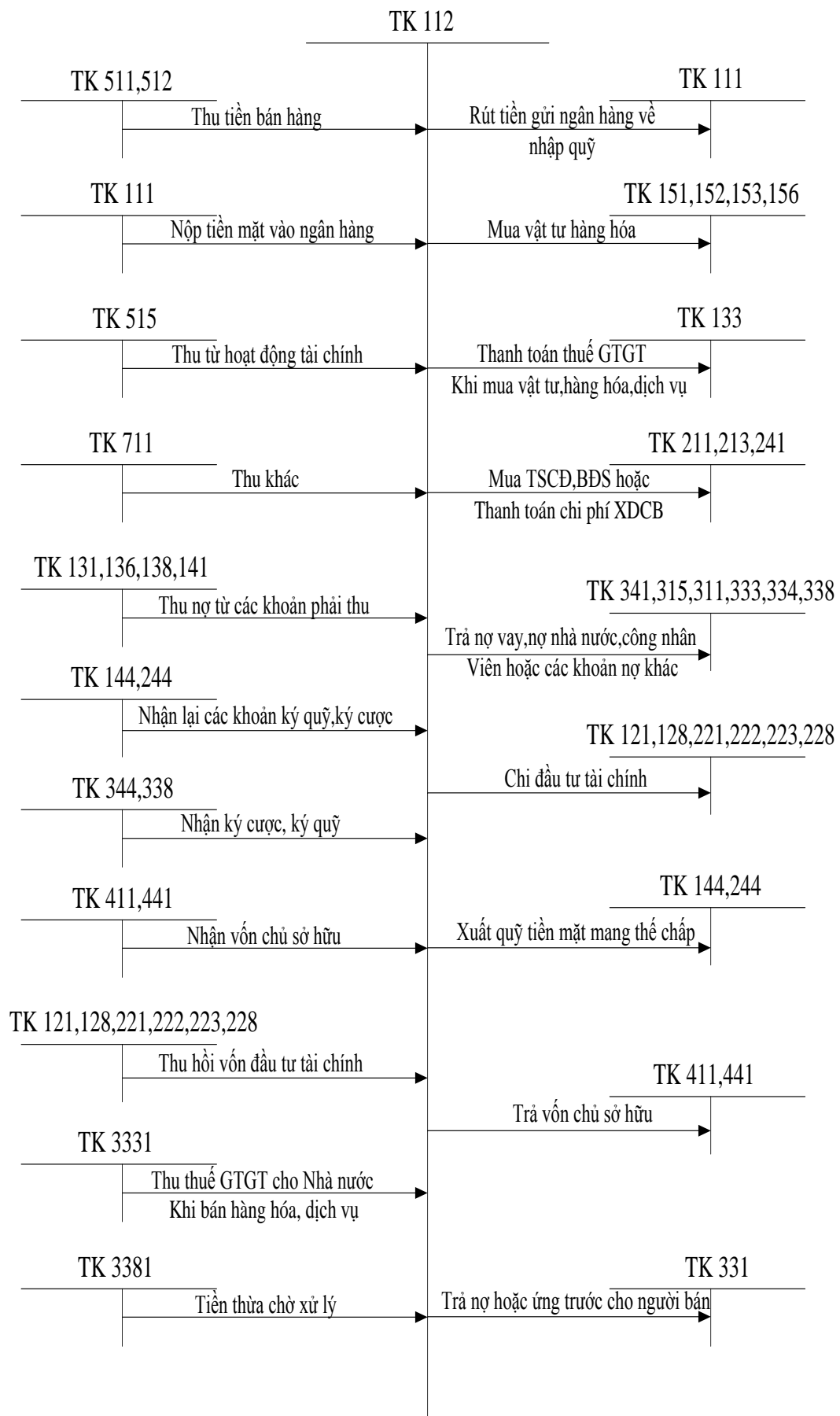
+ Khi đã xác định được nguyên nhân:

Nợ TK 112 : nếu do ngân sách ghi nhầm

Nợ TK liên quan (511, 515, 331, 152, 153, 211, 214): nếu do kế toán ghi nhầm.

Có TK 138 (1381 hoặc 1388) : xử lý số chênh lệch.

Sơ đồ 1.2: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VNĐ)



1.2.4. Kế toán tiền đang chuyển.

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của DN đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào NH hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của NH để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có của NH.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang ở trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa DN với người mua hàng và kho bạc Nhà Nước).
- Tiền DN đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức...

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền đang chuyển.

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ kèm theo khác như: séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.2.4.2. Phương pháp hạch toán 1 số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

TK 113 “Tiền đang chuyển”: dùng theo dõi các khoản của DN đang trong thời gian làm thủ tục.

TK 113 có 2 tài khoản cấp 3

- TK 1131 “Tiền Việt Nam”.
- TK 1132 “Ngoại tệ”.

***Kết cấu tài khoản:**

TK 113 - Tiền đang chuyển

-Các khoản tiền nội bộ, ngoại tệ, séc đã nộp vào NH hoặc đã chuyển vào bưu điện để chuyển cho NH.	Số kết chuyển vào tài khoản tiền gửi NH hoặc các khoản nợ phải trả.
Số dư: các khoản tiền đang chuyển.	

***Trình tự thanh toán:**

(1) Khi thu tiền bán hàng và thu nhập khác không nhập quỹ mà nộp thẳng vào ngân hàng, chưa nhận được báo có, kế toán ghi:

- Nợ TK 113 : tổng số tiền đang chuyển.
- Có TK 131 : thu nợ người mua hoặc tiền tạm ứng.
- Có TK 136 (1368) : các khoản thu nội bộ.

(2) *Xuất tiền mặt gửi vào ngân hàng hay chuyển qua bưu điện nhưng chưa nhận được giấy báo của ngân hàng hay người được thừa hưởng:*

Nợ TK 113 : ghi tăng tiền đang chuyển

Có TK 111 : số tiền xuất quỹ.

(3) *Chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi ngân hàng để trả nợ nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng:*

Nợ TK 113 : số tiền đang chuyển tăng thêm.

Có TK 112 : ghi giảm tiền gửi ngân hàng

(4) *Nhận được giấy báo của NH, của bưu điện về số tiền đang chuyển trong kỳ.*

Nợ TK 112 : chuyển vào tài khoản tại ngân hàng

Nợ TK 131 : thanh toán hoặc đặt trước cho nhà cung cấp

Nợ TK 311,315 : thanh toán tiền vay, nợ

Có TK 113 : ghi giảm số tiền đang chuyển

(5) *Đánh giá lại số dư ngoại tệ đang chuyển cuối kỳ, nếu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng, phân chênh lệch tăng ghi:*

Nợ TK 113 (1132) : ghi tăng tiền đang chuyển

Có TK 413 (4131) : phân chênh lệch tăng tỷ giá

(6) *Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm, kế toán ghi ngược lại bằng bút toán:*

Nợ TK 413 (4131) : phân chênh lệch ghi giảm tỷ giá

Có TK 113 (1132) : ghi giảm số tiền đang chuyển

1.3. Sổ sách kế toán hạch toán vốn bằng tiền.

1.3.1. Sổ kế toán tổng hợp.

1.3.1.1. Sổ thu tiền.

Nội dung là nhật ký đặc biệt dùng để ghi chép các nghiệp vụ thu tiền của đơn vị. Mẫu sổ này được mở riêng cho thu tiền mặt, thu tiền gửi ngân hàng cho từng loại tiền (đồng VN, ngoại tệ) hoặc cho từng nơi thu tiền.

***Kết cấu và phương pháp ghi sổ:**

- Ghi ngày, tháng ghi sổ.

- Ghi số và ngày, tháng lập của chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ.

- Ghi nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Ghi số tiền vào bên Nợ của TK tiền được theo dõi trên sổ này như: TM, TGNH.

- Ghi số tiền phát sinh bên Có của tài khoản đối ứng.

- Cuối trang sổ, cộng số phát sinh lũy kế để chuyển sang trang sau. Đầu trang sổ, ghi số cộng trang trước chuyển sang...

1.3.1.2. Sổ chi tiền.

Nội dung: là sổ nhật ký đặc biệt dùng để ghi chép các nghiệp vụ chi tiền của đơn vị. Mẫu sổ này được mở riêng cho chi tiền mặt, chi tiền cho ngân hàng, cho từng loại tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) hoặc dùng cho từng nơi chi tiền (Ngân hàng A, Ngân hàng B...)

Kết cấu và phương pháp ghi sổ:

- Ghi ngày, tháng ghi sổ.
- Ghi số, ngày, tháng thành lập của chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ.
- Ghi nội dung nghiệp vụ phát sinh.
- Ghi số tiền vào bên Có của TK tiền được theo dõi trên sổ này như: TM, TGNH.
- Ghi số tiền phát sinh bên Nợ của tài khoản đối ứng.
- Cuối trang sổ, cộng số phát sinh lũy kế để chuyển sang trang sau. Đầu trang sau, ghi số cộng trang trước chuyển sang.

1.3.1.3. Sổ cái tiền mặt và sổ cái tiền gửi ngân hàng.

Dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong từng thời kỳ và trong niên độ kế toán theo tài khoản kế toán được quy định trong chế độ tài khoản kế toán áp dụng cho DN. Trên sổ cái tiền mặt và TGNH phản ánh tổng hợp tình hình thu chi DN. Sổ cái phải phản ánh đầy đủ các nội dung sau:

- Ngày tháng ghi sổ.
- Số hiệu và ngày tháng của chứng từ kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ.
- Tóm tắt nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tài chính phát sinh.
- Số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh ghi bên Nợ hoặc bên Có của TK.

1.3.1.4. Sổ kế toán chi tiết trong kế toán vốn bằng tiền.

Sổ kế toán chi tiết dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến các nghiệp vụ, đến các đối tượng kế toán cần thiết phải theo dõi chi tiết theo yêu cầu quản lý. Số liệu trên sổ kế toán chi tiết cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quản lý tiền trong DN chưa được phản ánh trên Sổ cái và nhật ký.

Số lượng, kết cấu các sổ kế toán chi tiết không quy định bắt buộc, DN căn cứ vào quy định mang tính hướng dẫn của Nhà Nước về kế toán chi tiết yêu cầu quản lý DN để mở các sổ kế toán chi tiết cần thiết và phù hợp.

1.3.2. Các hình thức sổ kế toán.

Hình thức sổ kế toán (còn gọi là hình thức kế toán) là khái niệm được sử dụng để chỉ việc tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng trong DN nhằm thực hiện việc phân loại xử lý và hệ thống hóa các thông tin được thu thập từ các chứng từ kế toán để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của từng đối tượng kế toán cũng như phục vụ cho việc lập ra các báo cáo kế toán theo yêu cầu quản lý.

Hình thức sổ kế toán bao gồm các nội dung cơ bản:

- Số lượng sổ và kết cấu của từng loại sổ.
- Trình tự và phương pháp ghi chép của từng loại sổ.
- Mối quan hệ giữa các loại sổ với nhau trong quá trình xử lý thông tin.

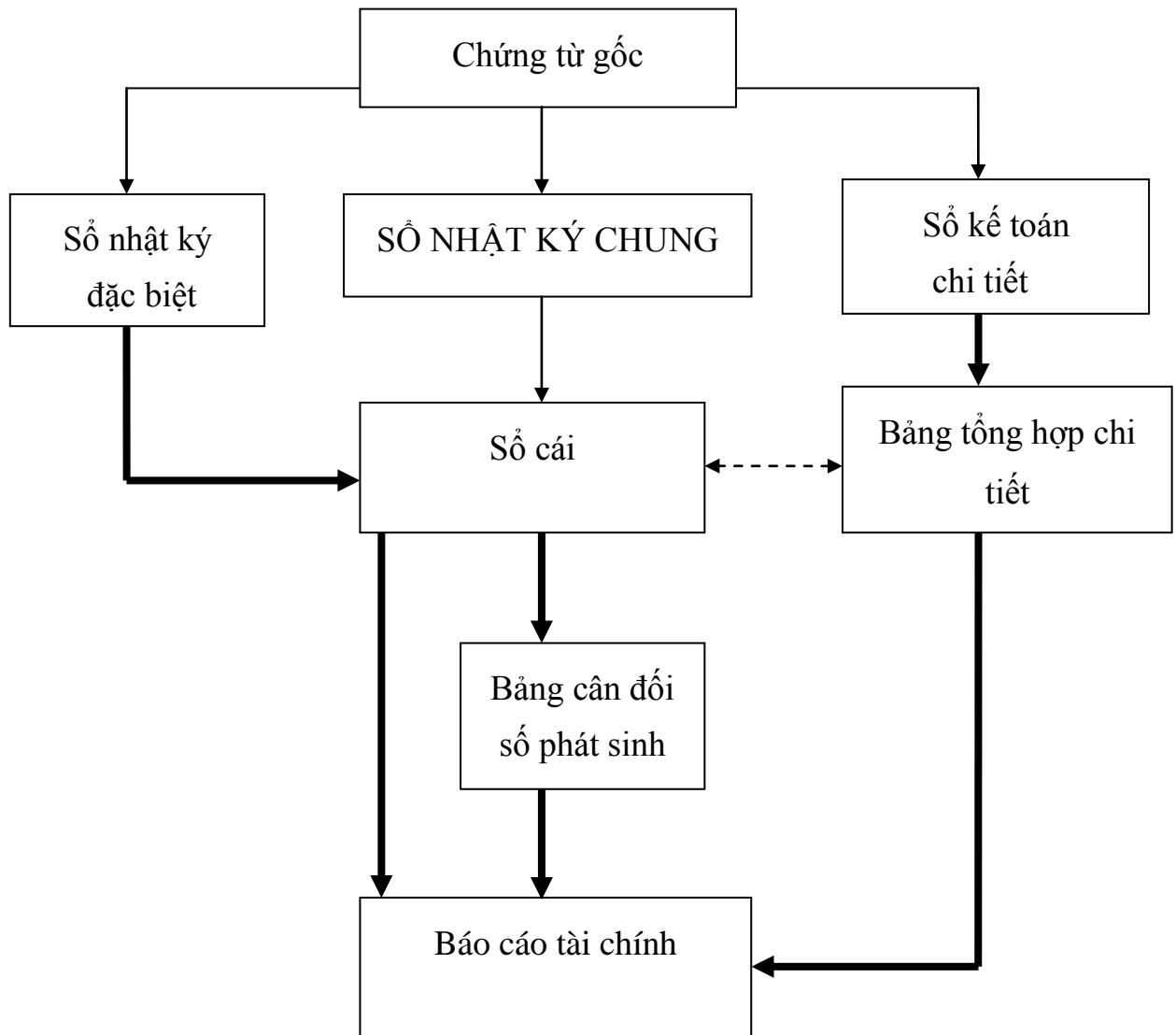
Việc tổ chức sổ sách kế toán trong mỗi cơ quan, DN cần thống nhất theo một trong các hình thức sổ kế toán dưới đây:

1.3.2.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách kế toán chủ yếu sau đây: Sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ nhật ký đặc biệt và các loại sổ kế toán chi tiết (sổ phụ).

Trình tự ghi chép kế toán : hàng ngày căn cứ vào các loại chứng từ gốc ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian sau đó căn cứ vào sổ nhật ký chung để ghi sổ cái. Cuối tháng tổng hợp số liệu của sổ cái và lấy số liệu của sổ cái ghi vào bảng cân đối phát sinh các tài khoản tổng hợp. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu, bảng cân đối phát sinh được dùng làm căn cứ để lập bảng cân đối kế toán và các báo biểu kế toán khác.

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi chép theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú:

—————> : Ghi hàng ngày

—————> : Ghi cuối kỳ

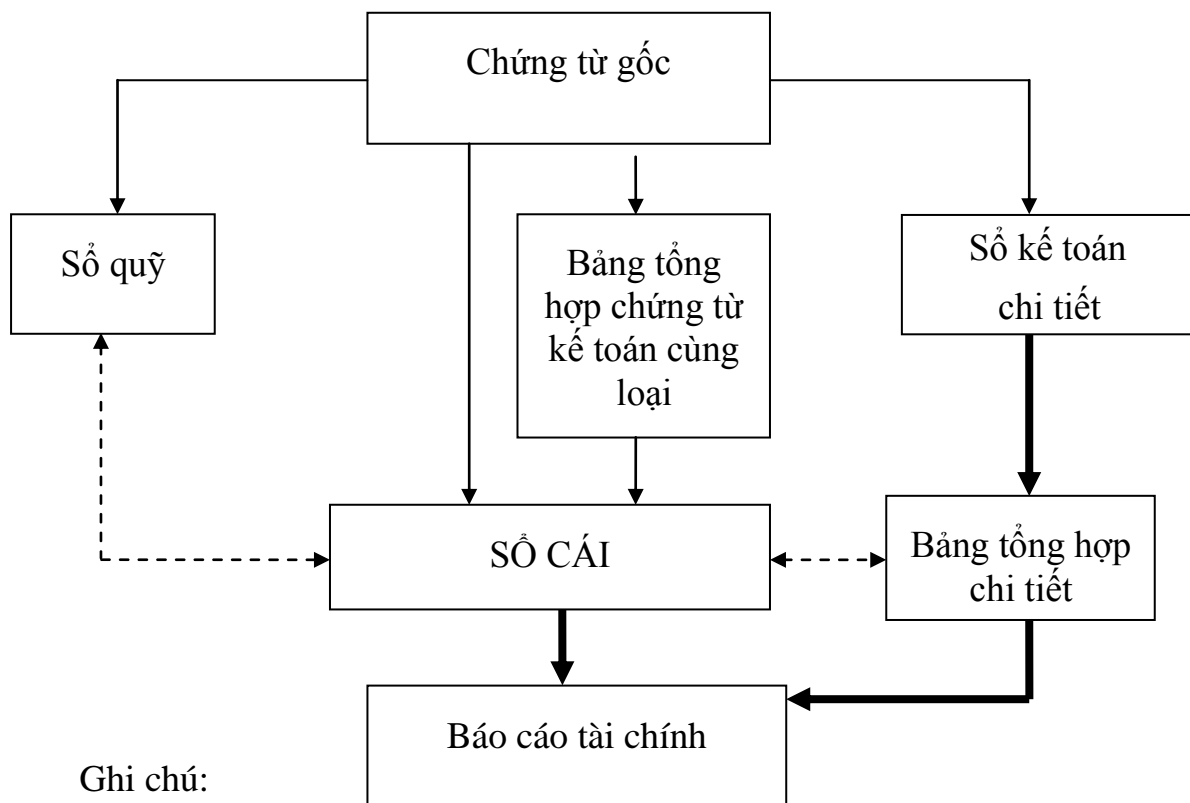
<-----> : Đối chiếu, kiểm tra

1.3.2.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách kế toán sau đây : Nhật ký – Sổ cái, Các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi chép: hàng ngày, mỗi khi nhận được chứng từ gốc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh, nhân viên giữ sổ Nhật ký – Sổ cái phải có kiểm tra chứng từ về mọi mặt, căn cứ vào nội dung nghiệp vụ trên chứng từ xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có và ghi các nội dung cần thiết của chứng từ vào Nhật ký – Sổ cái. Chứng từ gốc sau khi ghi Nhật ký – Sổ cái được chuyển ngay đến các bộ phận kế toán chi tiết có liên quan để ghi vào sổ hoặc theo kế toán của từng tài khoản. Nhật ký – Sổ cái và các bảng tổng hợp chi tiết sau khi kiểm tra đối chiếu và chỉnh lý số liệu được sử dụng để lập bảng cân đối kế toán và các bảng biểu kế toán khác.

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi chép theo hình thức sổ kế toán Nhật ký – sổ cái.



Ghi chú:

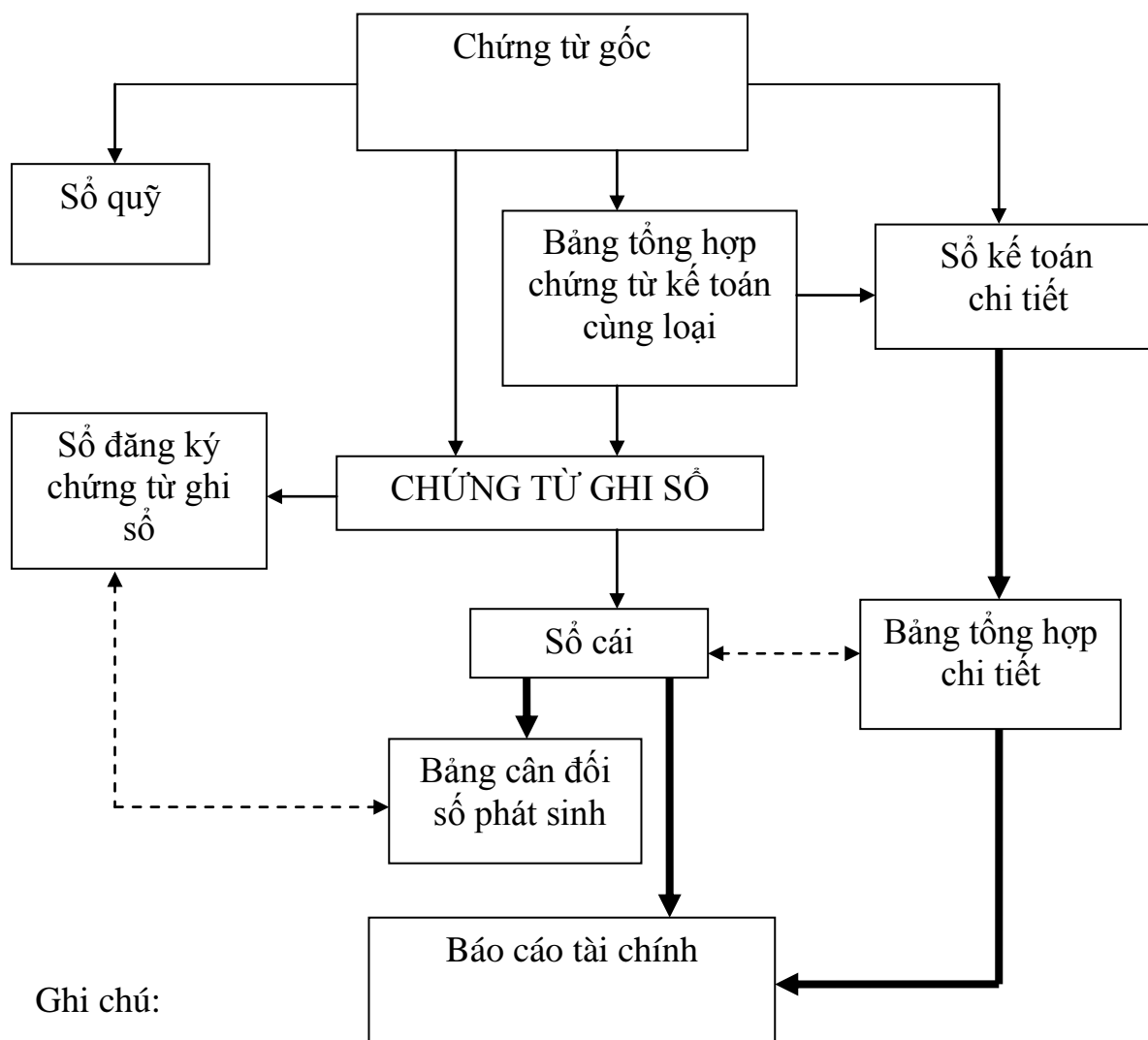
- > : Ghi hàng ngày
- > : Ghi cuối kỳ
- <-----> : Đối chiếu, kiểm tra

1.3.2.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các sổ sách kế toán chủ yếu sau đây: Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Các sổ thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi chép: hàng ngày nhân viên kế toán phụ trách từng phần căn cứ vào các chứng từ gốc đã kiểm tra lập các chứng từ ghi sổ. Chứng từ gốc sau khi được lập xong được chuyển đến kế toán trưởng (hoặc người được kế toán trưởng ủy quyền) ký duyệt rồi chuyển cho bộ phận kế toán tổng hợp và đầy đủ các chứng từ gốc kèm theo để bộ phận ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sau đó ghi vào sổ cái. Tiếp đó căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh của các tài khoản tổng hợp. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp số liệu, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập bảng cân đối kế toán và các bảng biểu kế toán khác.

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi chép theo hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

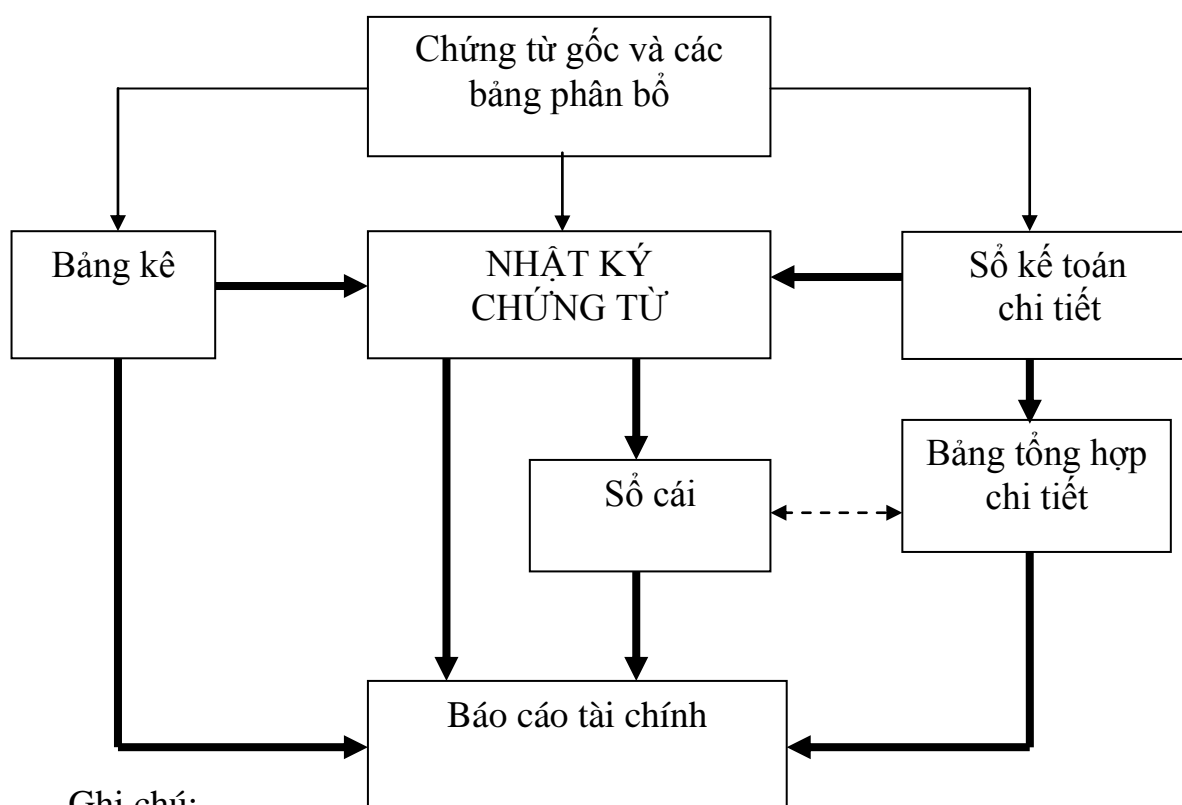
- > : Ghi hàng ngày
- > : Ghi cuối kỳ
- <-----> : Đối chiếu, kiểm tra

1.3.2.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

Những sổ sách kế toán chủ yếu được sử dụng trong hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ là: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi chép: căn cứ để ghi vào các sổ sách kế toán chủ yếu trong hình thức Nhật ký chứng từ là các chứng từ gốc. Tuy nhiên để đơn giản và hợp lý hóa công việc ghi chép kế toán hàng ngày thì trong hình thức kế toán này còn sử dụng bảng phân loại chứng từ gốc cùng loại theo các đối tượng sử dụng. Khi sử dụng bảng phân bổ thì chứng từ gốc trước hết phải được ghi vào bảng phân bổ, cuối tháng số liệu ở bảng phân bổ được ghi vào các bảng kê và Nhật ký chứng từ liên quan.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi chép theo hình thức sổ kế toán Nhật ký – chứng từ.



Ghi chú:

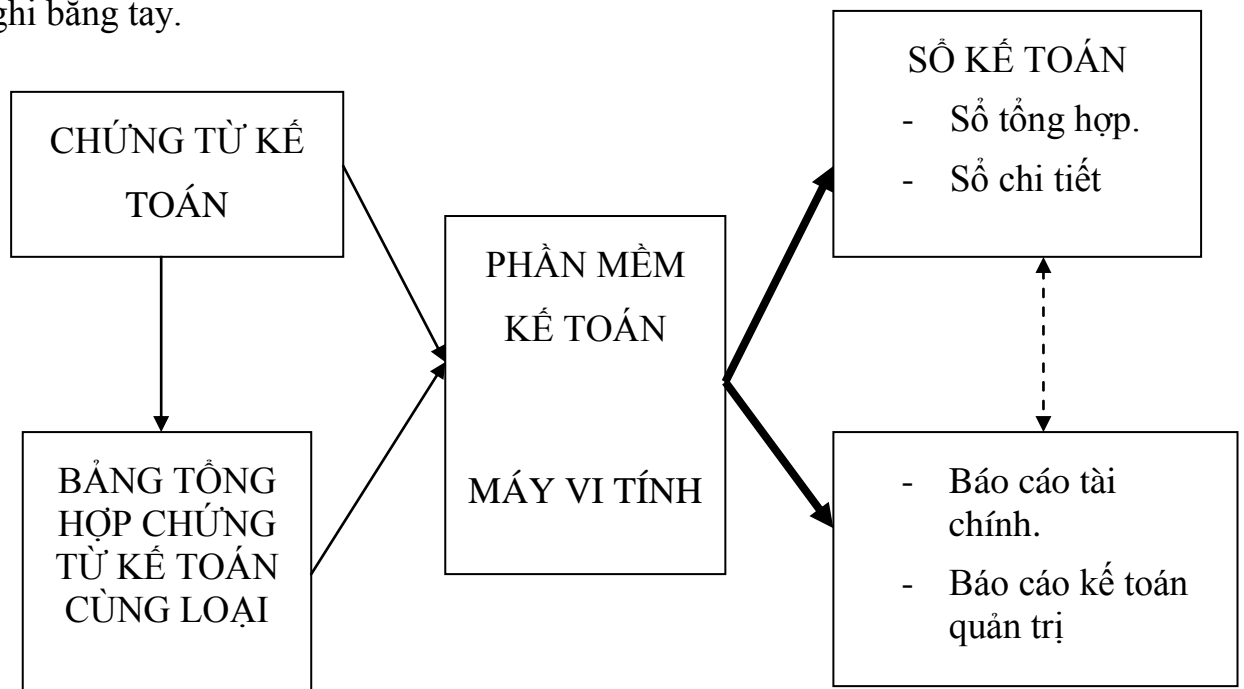
- > : Ghi hàng ngày
- > (thick) : Ghi cuối kỳ
- > : Đối chiếu, kiểm tra

1.3.2.5. Hình thức kế toán Kế toán máy.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Cuối tháng, cuối năm, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- > (thick) : Ghi cuối kỳ
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.

2.1.1. Giới thiệu về công ty.

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng.
- Địa chỉ: Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng.
- Điện thoại: 0313 856 438
- Fax: 0313 856 727
- Email: nguyenhuulegt@vnn.vn
- **Tài khoản nội tệ:** 32110000000319 tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng.
- **Tài khoản ngoại tệ:** 32110370004245 tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng.
- **Mã số thuế:** 0200172020
- **Quyết định thành lập:** quyết định số 261/QĐ-UB ngày 14/02/2005 của UBND thành phố Hải Phòng.
- **Đăng ký kinh doanh:** 0203001308 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP Hải Phòng cấp ngày 04/04/2005.

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Công ty cổ phần công trình giao thông Hải Phòng tiền thân là công ty cầu đường Hải Phòng, thành lập theo quyết định số 2214/ QĐ-UBND ngày 16/ 01/ 1970 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Ngày 12/ 01/ 1992 Công ty có quyết định thành lập doanh nghiệp số 129/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc chuyển đổi tên thành Công ty công trình giao thông Hải Phòng.

Là một doanh nghiệp nhà nước, Công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản giao dịch tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Phòng.

Ngày 14/02/2005 Công ty công trình giao thông Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty cổ phần công trình giao thông Hải Phòng theo hình thức bán một

phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp kết hợp với phát hành cổ phiếu nhằm thu hút thêm vốn để thành lập công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của công ty là: 12.600.000.000 đồng.

Trong đó :

- Vốn cổ đông nhà nước: 6.804.000.000 đồng, chiếm 54 %
- Vốn cổ đông doanh nghiệp: 5.266.000.000 đồng, chiếm 41,79 %
- Vốn cổ đông ngoài doanh nghiệp: 530.000.000 đồng, chiếm 4,21%

Trụ sở chính của công ty: Số 708 Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất - kinh doanh của công ty.

Công ty cổ phần công trình giao thông Hải Phòng có các ngành nghề kinh doanh chính sau:

Xây dựng các công trình giao thông: đường giao thông, cầu bê tông, cầu thép, các công trình thoát nước, sân bay, bến bãi, cảng biển.

Sản xuất các loại vật liệu như: cấu kiện bê tông, sản xuất bê tông nhựa, sản xuất đá dăm.

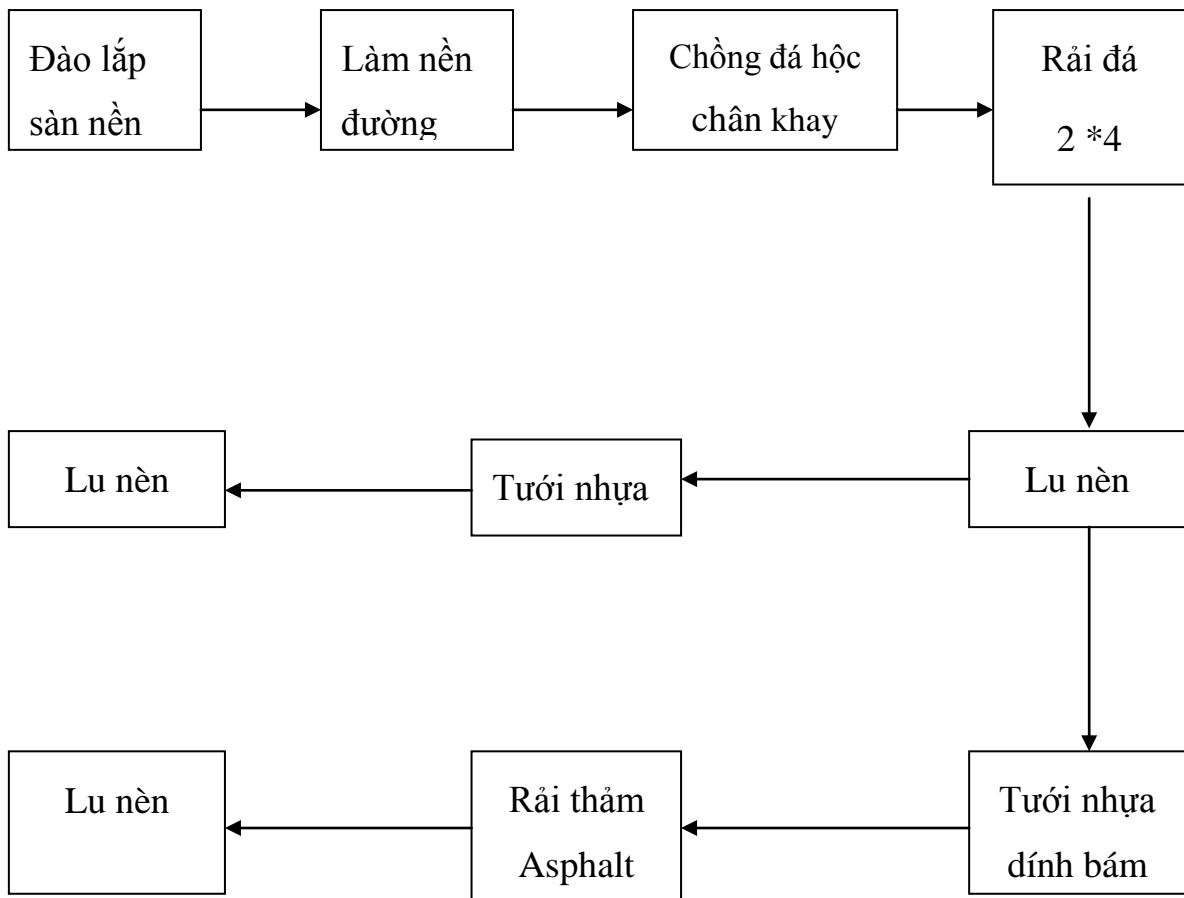
2.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Hoạt động sản xuất của công ty là hoạt động xây lắp diễn ra dưới điều kiện sản xuất thiếu tính ổn định, luôn biến đổi theo địa điểm và giai đoạn thi công. Quá trình sản xuất mang đặc thù của ngành xây dựng cơ bản, chi phí lớn, thời gian kéo dài, quá trình sản xuất phức tạp chia làm nhiều giai đoạn, nhu cầu về vốn lớn.

2.1.5. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.

Quy trình công nghệ sản xuất xây lắp của công ty được thể hiện qua sơ đồ

Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất xây lắp

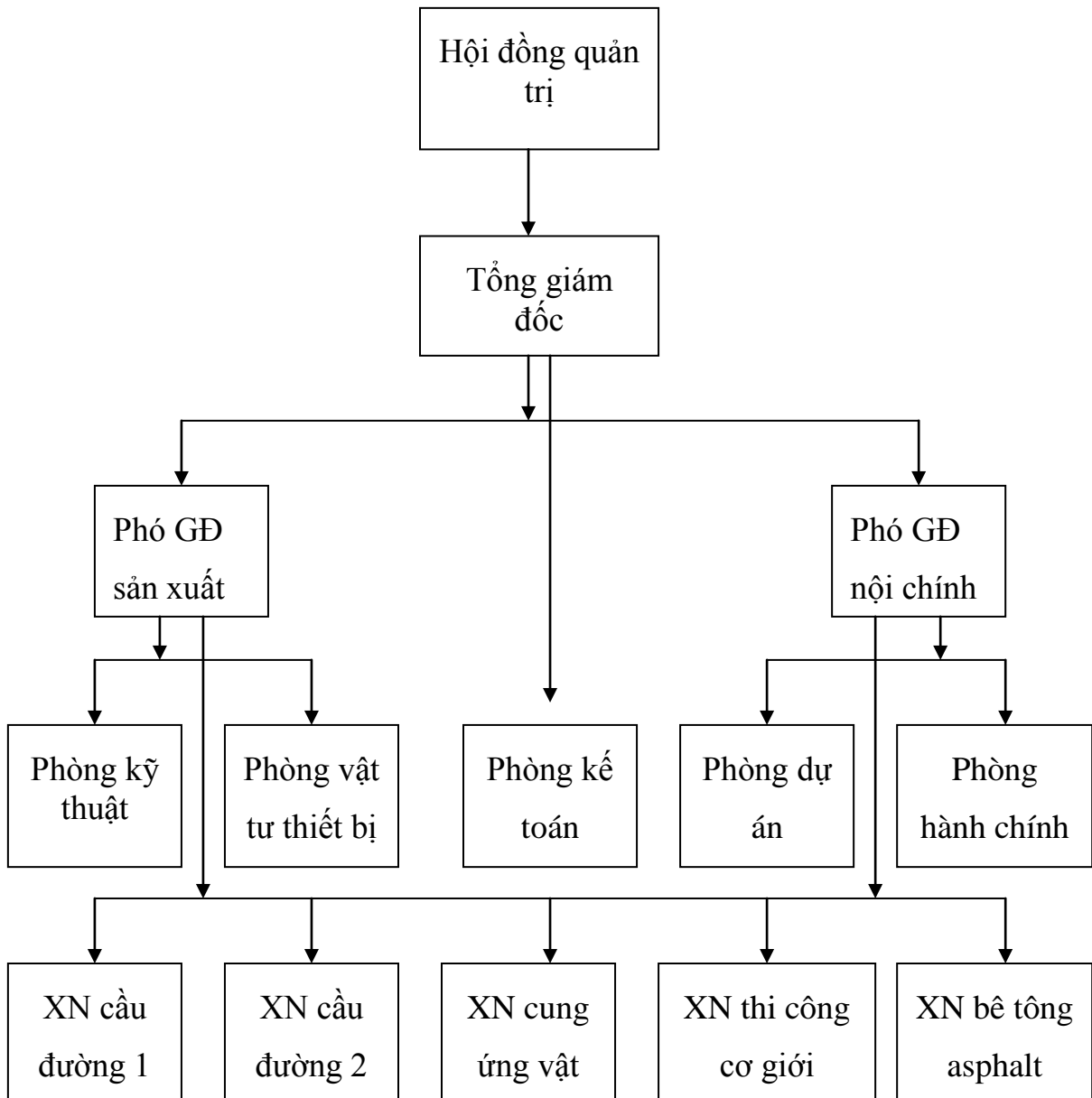


2.1.6. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý.

2.1.6.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty.

Công ty cổ phần công trình giao thông Hải Phòng có bộ máy tổ chức quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty



2.1.6.2. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý:

- Hội đồng quản trị: Gồm có 7 người, trong đó có 1 đại diện phần vốn Nhà nước. Hội đồng quản trị được bầu trực tiếp bằng thể thức bỏ phiếu kín tại đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

- Ban lãnh đạo công ty gồm 1 Tổng Giám đốc và 2 phó giám đốc. Tổng Giám đốc là người đứng đầu công ty, có quyền quyết định cao nhất trong công ty.

- Phòng Tổ chức hành chính: Giúp giám đốc tham mưu về chính sách lao động, xã hội và các chế độ, quyền lợi chính sách của cán bộ công nhân viên,

điều động cán bộ công nhân viên cho hợp lý. Tham mưu tuyển dụng ký kết hợp đồng lao động, giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động.

- Phòng Dự án: Có nhiệm vụ cơ bản chuẩn bị thủ tục lập hồ sơ dự thầu các công trình xây lắp. Tham khảo và tìm kiếm thị trường.

- Phòng Kế toán: Có nhiệm vụ tổ chức kế toán phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán ở công ty.

- Phòng Vật tư thiết bị: Có nhiệm vụ cung ứng vật tư cho các đơn vị sản xuất. Theo dõi, quản lý vật tư theo quy định của công ty, cùng với xí nghiệp thi công cơ giới theo dõi, quản lý lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.

- Phòng Kinh tế kỹ thuật: Có nhiệm vụ tham mưu và giúp Giám đốc theo dõi, giám sát thi công, đo đạc, kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, cấp phát hạn mức vật tư, xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện. Tổ chức nghiệm thu, lập hồ sơ hoàn công và quyết toán công trình. Hướng dẫn quy trình công nghệ thi công. Tham mưu nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật chuyên ngành.

- Xí nghiệp cầu đường 1: Là xí nghiệp có nhiệm vụ chủ yếu xây dựng cầu và cầu kiện bê tông.

- Xí nghiệp cầu đường 2: Là xí nghiệp có nhiệm vụ chủ yếu trùng tu các công trình đường giao thông, sân bay, bến bãi.

- Xí nghiệp cung ứng vật tư và xây dựng công trình: Là xí nghiệp cung cấp chủ yếu nguồn vật tư tự khai thác và sản xuất để phục vụ cho các công trình.

- Xí nghiệp bê tông Asphalt: Là bộ phận chuyên sản xuất bê tông Asphalt phục vụ cho việc rải bê tông nhựa mặt đường (bê tông Asphalt).

- Xí nghiệp thi công cơ giới: Là xí nghiệp quản lý và sử dụng toàn bộ phương tiện máy móc, thiết bị để phục vụ thi công các công trình. Cùng với phòng vật tư thiết bị định kỳ lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị.

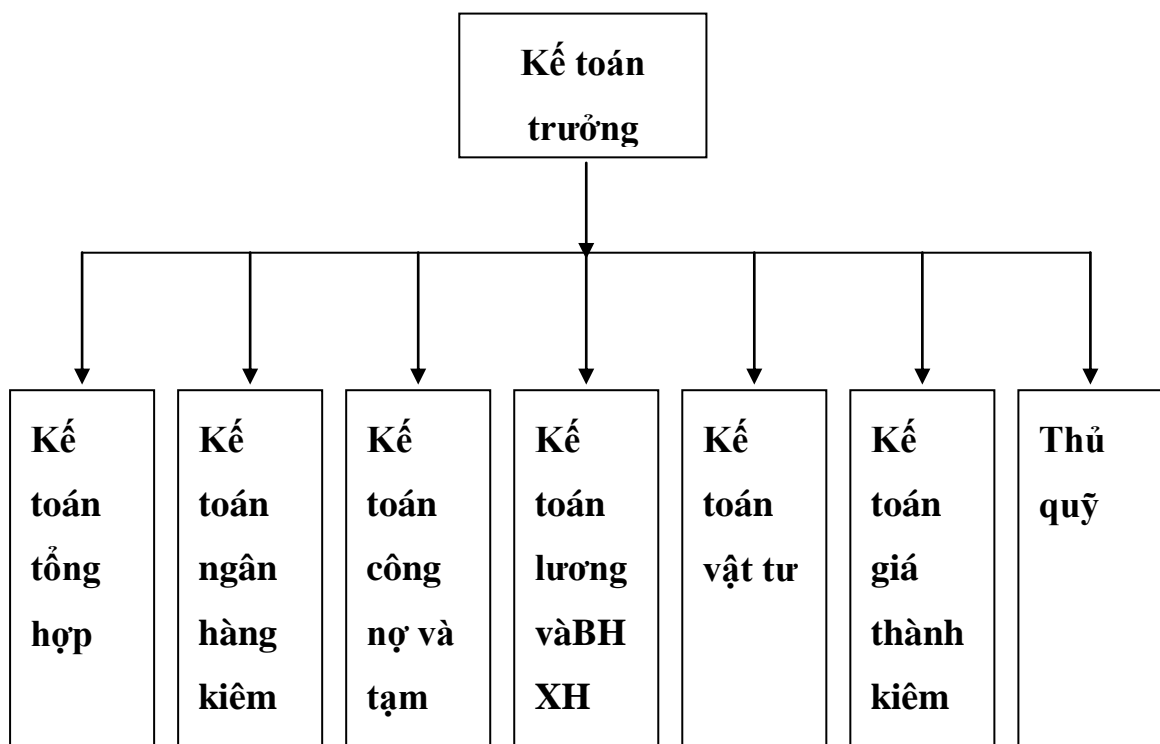
- Cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng giúp cho công ty đảm bảo được tính thống nhất trong quản lý, đồng thời chuyên môn hoá được chức năng, sử dụng có hiệu quả và hợp lý năng lực chuyên môn của các nhân viên trong công ty. Từng phòng ban xí nghiệp được bố trí hợp lý, chức năng rõ ràng, phối hợp với nhau thành bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phát huy được khả năng trong cơ chế thị trường.

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.

2.2.1. Mô hình bộ máy kế toán tại công ty.

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý của doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng đã áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung. Tại công ty, các hoạt động kế toán bao gồm tổ chức kế toán phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán ở công ty. Ở các xí nghiệp phụ thuộc, bố trí các nhân viên kế toán làm nhiệm vụ tập hợp chứng từ, kiểm tra chứng từ gửi, gửi các chứng từ về phòng của công ty đúng định kỳ.

Sơ đồ bộ máy kế toán



2.2.2. Chức năng nhiệm vụ của bộ máy kế toán:

- **Kế toán trưởng:**

Là người có quyền lực cao nhất trong phòng kế toán, điều hành và xử lý toàn bộ các hoạt động có liên quan đến công tác kế toán của công ty, giúp giám đốc trong việc quản lý kinh tế và thay mặt phòng kế toán chịu trách nhiệm trước công ty.

- **Kế toán tổng hợp:**

Có nhiệm vụ tổng hợp các báo cáo tài chính

- **Kế toán ngân hàng kiêm tiền mặt:**

Theo dõi tiền gửi, tiền vay ngân hàng, quỹ tiền mặt.

- **Kế toán công nợ và các khoản tạm ứng:**
Theo dõi công nợ và các khoản tạm ứng.
- **Kế toán lương và BHXH:**
Theo dõi về các khoản lương và BHXH của người lao động. Tổng hợp và phân bổ lương của các công trình, trích lập BHXH, KPCĐ.
- **Kế toán giá thành kiêm TSCĐ:**
Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình, theo dõi tăng giảm TSCĐ, trích khấu hao TSCĐ.
- **Kế toán vật tư:**
Theo dõi tình hình xuất nhập, tồn kho NVL, công cụ dụng cụ, lập các bảng kê, bảng phân bổ NVL, CCDC.
- **Thủ quỹ:**
Theo dõi quỹ tiền mặt của công ty.

Ngoài ra, mỗi xí nghiệp của công ty còn có một nhân viên thống kê kế toán có nhiệm vụ lập các bảng thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên của xí nghiệp và tập hợp toàn bộ các chứng từ liên quan đến chi phí sản xuất.

2.2.3. Tổ chức hệ thống kế toán của công ty.

2.2.3.1. Các chính sách kế toán chung

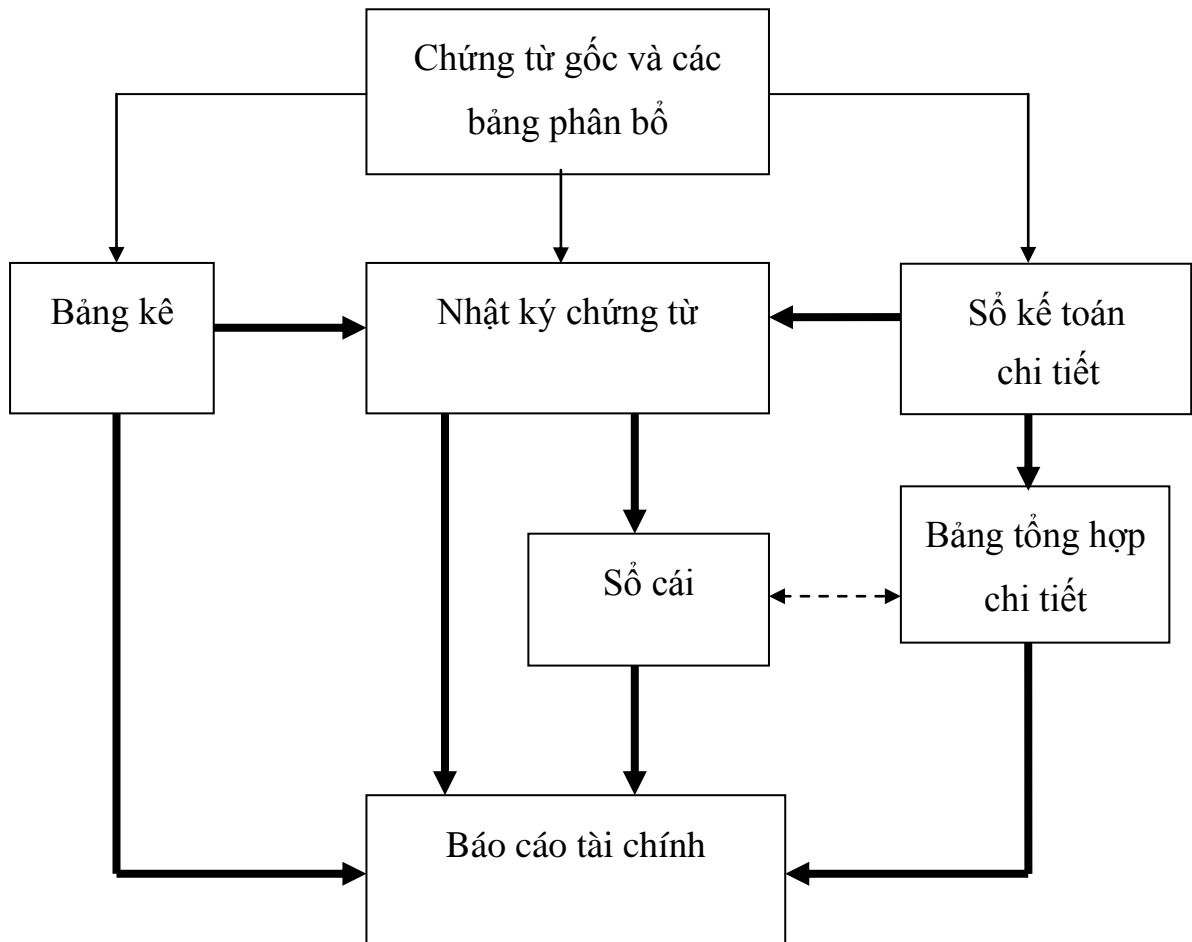
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC.
- Hệ thống tài khoản: công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quyết định số 15/2006 QĐ_BTC ban hành ngày 20/ 03/ 2006.
- Niên độ kế toán áp dụng tại công ty bắt đầu từ ngày 01/ 01/ đến ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng.
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: phương pháp khấu trừ
- Công ty sử dụng phương pháp tính giá vật liệu xuất dùng theo phương pháp thực tế đích danh.
- Hệ thống chứng từ: phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi, bảng tính và phân bổ tiền lương, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ....
- Chứng từ kế toán áp dụng cho công ty tuân thủ nội dung, phương pháp lập, ký chứng từ theo quy định của Luật Kế toán và Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ.

2.2.3.2. Thiết lập và tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:

- Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán gồm các bước sau:
 - Lập chứng từ kế toán và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ.
 - Kiểm tra, soát xét, phê duyệt nội dung nghiệp vụ kinh tế.
 - Căn cứ vào chứng từ để ghi sổ kế toán.
 - Bảo quản, lưu trữ chứng từ kế toán.
- Hệ thống chứng từ tài liệu kế toán đảm bảo phản ánh đầy đủ tất cả các chỉ tiêu: tiền tệ, hàng hóa vật tư, TSCĐ, lao động tiền lương và tình hình thực hiện công việc.
- Thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát đối với những tài liệu, chứng từ phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh (các số liệu, chữ ký phê duyệt và con dấu...). Kiểm tra, soát xét những tài liệu liên quan làm cơ sở để lập các chứng từ kế toán của Công ty cổ phần Công trình giao thông (nhất là các chứng từ bên ngoài đơn vị).
- Tổ chức luân chuyển chứng từ kế toán một cách hợp lý giữa các phần hành kế toán và giữa các Tổ quản lý của Công ty cổ phần Công trình giao thông để ghi sổ kế toán một cách thuận lợi, kịp thời.
- Tổ chức bảo quản chứng từ kế toán và các tài liệu liên quan khác trong quá trình sử dụng và lưu trữ khi kết thúc niên độ kế toán theo đúng qui định hiện hành.

2.3. Sơ đồ chứng từ kế toán của công ty.

Sơ đồ : Hình thức ghi sổ của công ty



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- > : Ghi cuối kỳ
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra

2.4. Kết quả kinh doanh của Công ty trong 2 năm 2011 – 2012.**Bảng 2.1: Kết quả kinh doanh của công ty Cổ Phần Công trình Giao thông HP**

Đơn vị: CTY CP Công trình Giao thông Hải Phòng

Mẫu số S02a – DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2011 – 2012***Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	VI.25	163.688.746.026	140.776.099.337
2. Các khoản giảm trừ		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và CCDV		163.688.764.026	140.776.099.337
4. Giá vốn hàng bán	VI.27	155.609.401.331	134.559.719.588
5. LN gộp bán hàng và CCDV		8.079.344.695	6.216.379.749
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	34.830.543	295.203.970
7. Chi phí tài chính	VI.28	3.317.755.359	852.671.951
<i>- Trong đó: chi phí lãi vay</i>		3.317.755.359	852.671.951
8. Chi phí bán hàng		-	-
9. Chi phí quản lý DN		3.316.992.606	4.186.385.281
10. LN thuần từ HĐKD		1.479.427.273	1.472.526.487
11. Thu nhập khác		2.867.202.500	1.709.876.209
12. Chi phí khác		647.734.500	211.373.825
13. LN khác		2.219.468.000	1.498.502.384
14. Tổng LN kế toán trước thuế		3.698.895.273	2.971.028.871
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30	647.306.673	442.493.661
16. LN sau thuế TNDN		3.051.588.600	2.528.535.210

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Qua các chỉ tiêu trên ta thấy tình hình kinh doanh của Công ty có chiều hướng phát triển tốt lên, tất cả các chỉ số của các năm đều tăng lên so với năm gốc và năm sau lớn hơn năm trước. Đây cũng là do công ty biết sử dụng tốt các tiềm năng của mình như là nhân viên hết mình cho công việc, có nhiều loại hình dịch vụ đa dạng thu hút nhiều loại khách hàng, năng suất làm việc cao.

2.5. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.

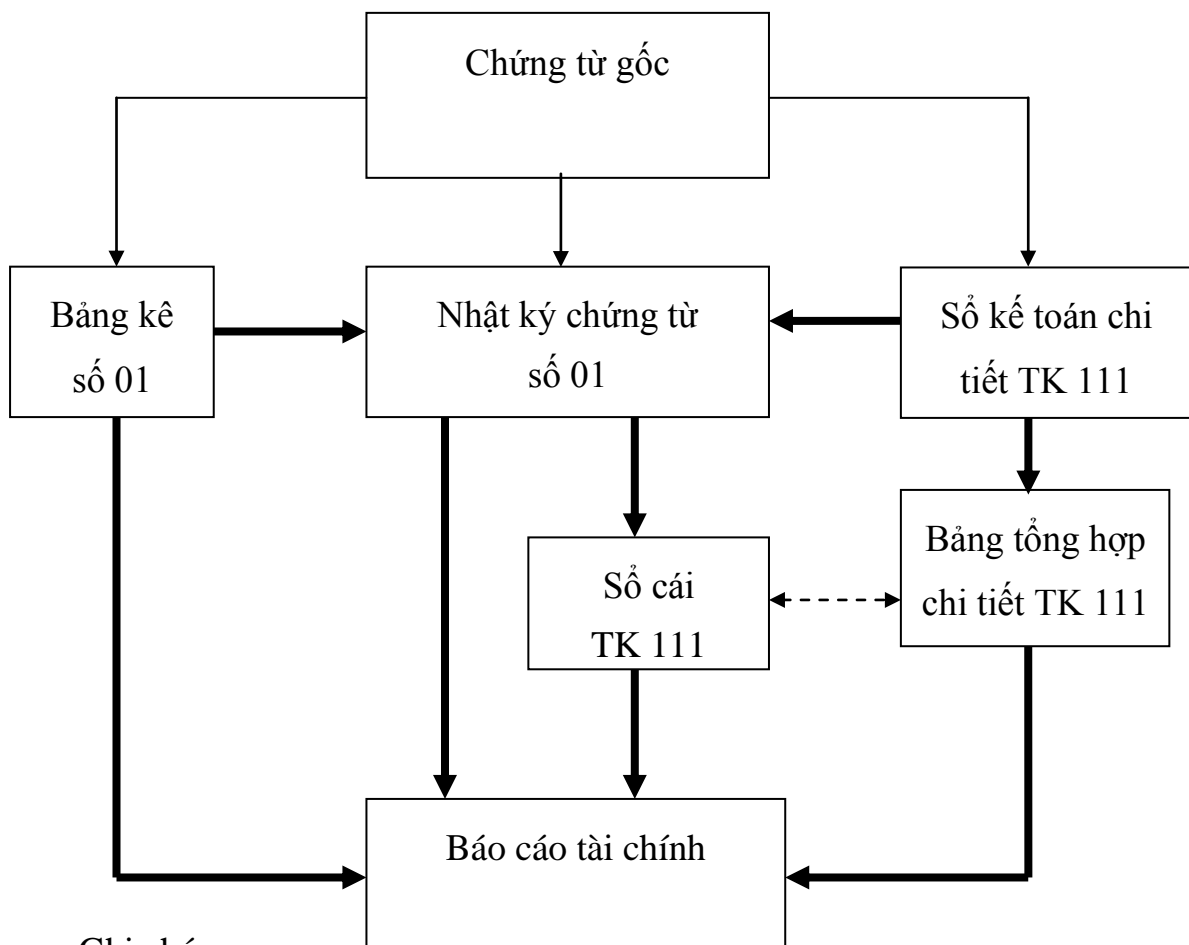
2.5.1. Kế toán tiền mặt tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.

Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi Ngân hàng. Trong các Báo cáo Vốn bằng tiền, công ty sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là: Đồng Việt Nam để phục vụ cho công tác hạch toán, ghi chép. Trường hợp phát sinh các giao dịch có liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam để hạch toán và ghi chép kế toán.

2.5.1.1. Chứng từ Công ty sử dụng.

- Phiếu thu;
- Phiếu chi;
- Hóa đơn GTGT
- Giấy nộp tiền;
- Giấy đề nghị tạm ứng;
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng;
- Biên lai thu tiền;
- Sổ quỹ tiền mặt;
- Sổ chi tiết quỹ tiền mặt;
- Nhật ký chứng từ số 01;
- Bảng kê số 01;
- Sổ cái TK 111
- Các chứng từ và sổ sách có liên quan khác;

Sơ đồ : Hình thức ghi sổ của công ty



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- > : Ghi cuối kỳ
- <-----> : Đối chiếu, kiểm tra

- Căn cứ vào các chứng từ kế toán phiếu thu, chi hàng ngày Thủ quỹ vào Sổ quỹ tiền mặt đồng thời kế toán theo dõi thu chi vào Sổ chi tiết tài khoản tiền mặt. Đến cuối tháng Thủ quỹ và Kế toán cộng phát sinh và đối chiếu số dư.

- Đồng thời kế toán cũng lấy số liệu trực tiếp ghi vào bảng kê 01.

- Căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - chứng từ số 01 .Sau đó kế toán tiến hành lấy số liệu từ nhật ký chứng từ số 1 và các sổ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan vào Sổ cái TK 111.

- Căn cứ vào Sổ cái, Nhật ký – chứng từ số 01 và các sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết liên quan kế toán tiến hành lên Báo cáo tài chính.

2.5.1.2. Tài khoản sử dụng.

- TK 111 : Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 141: Tạm ứng
- TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 136: Phải thu nội bộ
- TK 334: Phải trả người lao động
- TK 338: Phải trả, phải nộp khác
- TK 621: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp
- TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp
- TK 627: Chi phí sản xuất chung
- TK 635: Chi phí tài chính
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Một số TK khác.

2.5.1.3. Sổ sách Công ty sử dụng hạch toán tiền mặt.

Sổ sách, mẫu sổ và phương pháp ghi chép các loại sổ tại DN đều tuân theo chế độ kế toán hiện hành và quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

a) Kế toán nghiệp vụ thu tiền mặt tại quỹ của công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông Hải Phòng.**Các nguồn thu chủ yếu của công ty :**

- Thu từ việc hoàn thành các công trình.
- Thu tạm ứng
- Từ các nguồn thu khác...

Ví dụ 1. Ngày 31/12/ 2012 Bà Ganh Phòng Tổ chức hành chính nộp tiền BHXH tháng 12 năm 2012 với số tiền 4.880.000.

- Kế toán lập Phiếu thu.
- Từ Phiếu thu Kế toán vào Sổ quỹ, Sổ chi tiết tiền mặt.
- Cuối tháng căn cứ vào Bảng kê số 01 ghi sổ cái TK 111.
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ bảng kê số 01 và Sổ cái TK 111 vào Báo cáo tài chính.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT

Bộ phận:

(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Mã đơn vị:

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Quyển số: 29

Số: 630

Nợ TK 111

Có TK 3383

Họ, tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Ganh

Địa chỉ: Phòng Tổ chức hành chính

Lý do thu: Tiền BHXH tháng 12/ 2012

Số tiền: 4.880.000 (Viết bằng chữ): Bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Ví dụ 2. Ngày 31/12/2012 Ông Kiên phòng Tổ chức hành chính thu hồi tạm ứng với số tiền 500.000.

- Kế toán lập Phiếu thu.
- Từ Phiếu thu Kế toán vào Sổ quỹ, Sổ chi tiết tiền mặt, bảng kê số 01.
- Cuối tháng căn cứ vào Bảng kê số 01 ghi sổ cái TK 111.
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ bảng kê số 01 và Sổ cái TK 111 vào Báo cáo tài chính.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT

Bộ phận:

(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Mã đơn vị:

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Quyển số: 29

Số: 631

Nợ TK 111

Có TK 141

Họ, tên người nộp tiền: Trần Tuấn Kiên

Địa chỉ: Phòng Tổ chức hành chính

Lý do thu: Tạm ứng

Số tiền: 500.000 (Viết bằng chữ): Năm trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

b) Kế toán nghiệp vụ chi tiền mặt tại quỹ của công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông Hải Phòng.

Các nguồn chi chủ yếu :

- Chi tạm ứng.
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hóa, công cụ dụng cụ.
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên.
- Chi tiền thanh toán nợ khách hàng.
- Chi các khoản nộp ngân sách Nhà nước.
- Các khoản chi khác...

Ví dụ 1: Ngày 29/12/ 2012 Bà Tính phòng Kế hoạch – vật tư TB đề nghị trả tiền mua dầu hỏa công trình Hồ Sen cho cây xăng Trúc Sơn với số tiền: 9.800.000.Thuế GTGT 10%.

- Căn cứ hóa đơn GTGT lập Phiếu chi.
- Từ hóa đơn GTGT và Phiếu chi, Kế toán vào sổ chi tiết tiền mặt, Sổ quỹ.
- Cuối tháng từ các phiếu chi, Sổ chi tiết và Sổ quỹ kế toán vào nhật ký chứng từ số 01.
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ nhật ký chứng từ và Sổ cái TK 111 vào Báo cáo tài chính.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT 3/001

Ký hiệu: AA/12P

Liên 2: Giao khách hàng

Số: 0060483

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Cây xăng Trúc Sơn

Địa chỉ: 30 – Dư Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng

Điện thoại: 0313.284.678

Họ và tên người mua hàng : Phạm Thị Tính

Tên đơn vị: Công ty CP Công trình giao thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST: : 0200172020

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu hỏa	Lít	500	19600	9.800.000
Cộng tiền hàng					
Thuế GTGT 10%			Tiền thuế GTGT		980.000
Tổng cộng tiền thanh toán					10.780.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng.					

Người bán hàng
(Đã ký)

Người mua hàng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

Mẫu số 05 – TT

Bộ phận:

(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Mã đơn vị:

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Kính gửi : Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông Hải Phòng.

Họ tên người đề nghị thanh toán : Phạm Thị Tính.

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng Kế hoạch – Vật tư.

Nội dung thanh toán : Trả tiền mua dầu hỏa công trình Hồ Sen.

Số tiền: 10.780.000 (Viết bằng chữ) : Mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Người đề nghị thanh toán

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT

Bộ phận:.....

(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Mã đơn vị:

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Quyển số: 84

Số: 652

Nợ TK 331

Nợ TK 133

Có TK 111

Họ, tên người nhận tiền: Phạm Thị Tính

Địa chỉ: Phòng Kế hoạch – Vật tư

Lý do chi: Trả tiền mua dầu hỏa công trình Hồ Sen

Số tiền: 10.780.000 (Viết bằng chữ) : Mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 31/12/ 2012 Ông Bình phòng Kinh tế - kỹ thuật thanh toán chi phí tiếp khách Hợp tác xã An Đông Trang với số tiền 4.710.000. Thuế GTGT 10%.

- Căn cứ hóa đơn GTGT lập Phiếu chi.
- Từ hóa đơn GTGT và Phiếu chi, Kế toán vào sổ chi tiết tiền mặt, Sổ quỹ.
- Cuối tháng từ các phiếu chi, Sổ chi tiết và Sổ quỹ kế toán vào nhật ký chứng từ số 01.
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ nhật ký chứng từ và Sổ cái TK 111 vào Báo cáo tài chính

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT 3/001

Ký hiệu: AA/12P

Liên 2: Giao người mua

Số: 0003108

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Hợp tác xã An Đông Trang

Địa chỉ: Vân Tra – An Đông - An Dương – Hải Phòng

Điện thoại: 031 3821 427

Họ và tên người mua hàng : Phạm Văn Bình

Tên đơn vị: Công ty CP Công trình giao thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST: : 0200172020

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Tiếp khách				4.710.000
Cộng tiền hàng					
Thuế GTGT 10%			Tiền thuế GTGT		471.000
Tổng cộng tiền thanh toán					5.181.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng.					

Người bán hàng
(Đã ký)

Người mua hàng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

Mẫu số 02 – TT

Bộ phận:.....

(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Mã đơn vị:

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Quyển số: 84

Số: 653

Nợ TK 642

Nợ TK 133

Có TK 111

Họ, tên người nhận tiền: Phạm Văn Bình

Địa chỉ: Phòng Kinh tế - kỹ thuật

Lý do chi: Tiếp khách

Số tiền: 5.181.000 (Viết bằng chữ) : Năm triệu một trăm tám một nghìn đồng.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng

Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Mẫu số S04b1 – DN

(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

BẢNG KÊ SỔ 1

Ghi nợ TK 111- Tiền mặt

Trích tháng 12 năm 2012

Số dư đầu tháng : 52.012.083

STT	NGÀY	GHI NỢ TK 111, GHI CÓ CÁC TK				CỘNG NỢ TK 111	SỐ DƯ CUỐI NGÀY
		112	141	1368	3383		
...
630	31/12				4.880.000	4.880.000	2.429.470.000
631	31/12		500.000			500.000	2.429.970.000
CỘNG		2.320.000.000	23.950.000	35.000.000	51.020.000	2.429.970.000	2.429.970.000

Số dư cuối tháng : 2.429.970.000

Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Hải Phòng

Mẫu số S07a1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT KẾ TOÁN QUỸ TIỀN MẶT
TÀI KHOẢN 111**

Trích tháng 12/ 2012

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Nợ	Có		
				- Số tồn đầu kỳ				52.012.083	
				- Số phát sinh trong kỳ					
...	
29/12	29/12		PC652	Trả tiền mua dầu hỏa CT Hồ Sen	3311 133		9.800.000 980.000	73.743.083	
31/12	31/12	PT630		Nộp tiền BHXH tháng 12	3383	4.880.000		78.623.083	
31/12	31/12	PT631		Thu hồi tạm ứng	141	500.000		79.123.083	
31/12	31/12		PC653	Chi phí tiếp khách	642 133		4.710.000 471.000	63.942.083	
				- Cộng số phát sinh trong kỳ	X	X	X	X	X
				- Số tồn cuối kỳ	X			63.942.083	X

Đơn vị: Công ty CP Công trình giao thông Hải Phòng

Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Mẫu số S04a1 – DN

(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1
Ghi có Tài khoản 111 - Tiền mặt
 Trích tháng 12/ năm 2012

TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111, ghi nợ các TK											Cộng có TK 111	
	Số hiệu	Ngày tháng		112	133	1368	141	3311	334	3383	621	622	627	635		642
...	
652	652	29/12	Trả tiền mua dầu hỏa CT Hồ Sen – Cây xăng Trúc Sơn		980.000			9.800.000								10.780.000
653	653	31/12	Chi phí tiếp khách		471.000									4.710.000	5.181.000	
			Cộng	1.792.005.800	62.569.410	79.277.000	46.029.400	82.353.800	207.520.000	2.806.000	6.030.910	19.800.000	73.859.826	35.184.000	16.634.764	2.418.040.000

Đơn vị: Công ty CP Công trình giao thông Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN

Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI****TK 111 – Tiền mặt**

Trích tháng 12/ 2012

SDDK	
Nợ	Có
283.007.683	

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
112	...	2.320.000.000	32.788.919.980
141	...	23.950.000	218.450.000
1368	...	35.000.000	148.000.000
3383	...	51.020.000	210.800.000
Cộng SPS nợ	...	2.429.970.000	33.366.169.800
Cộng SPS có	...	2.418.040.000	33.585.235.400
SDCK	Nợ	52.012.083	63.942.083
	Có		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.5.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty CP Công trình Giao thông Hải Phòng.

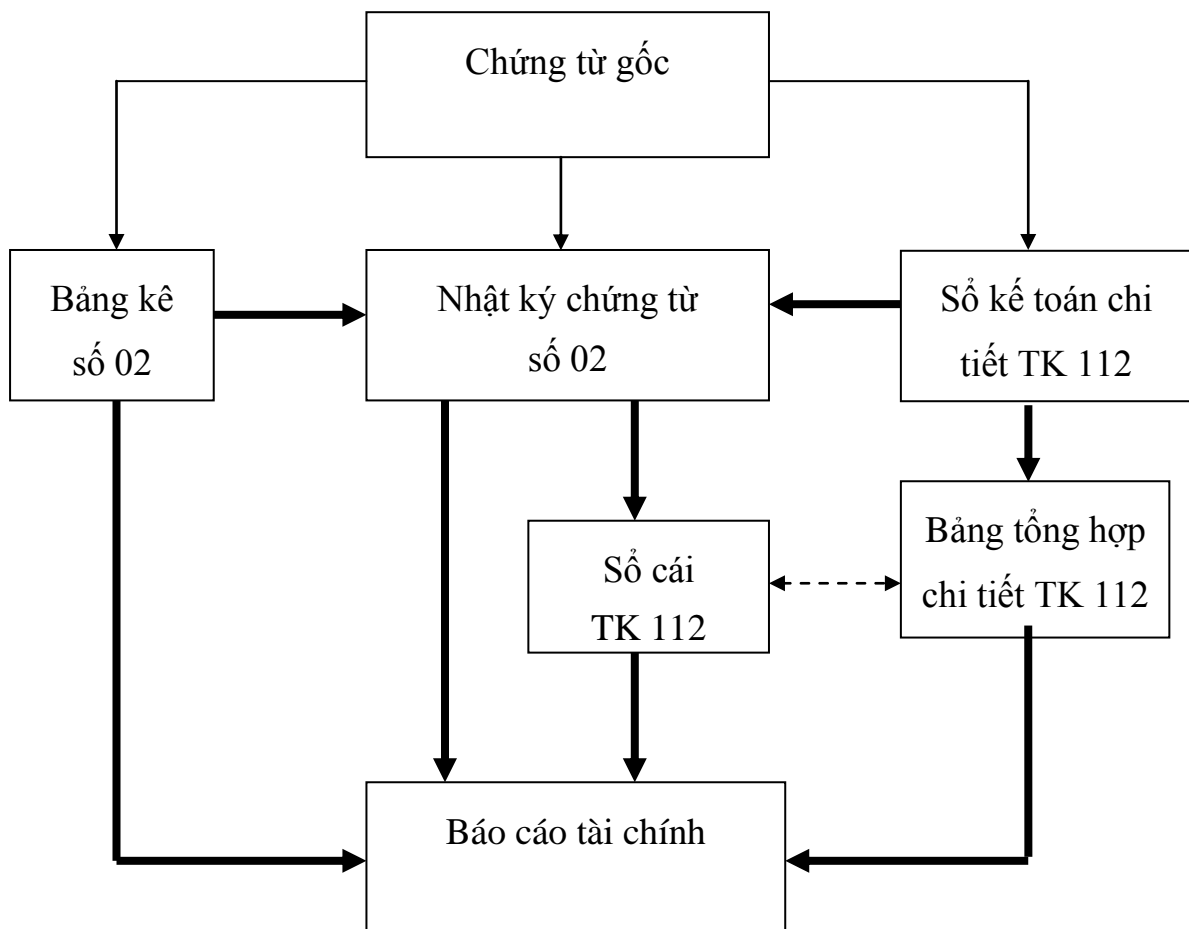
Cùng với tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng cũng đóng một vai trò rất quan trọng và diễn ra thường xuyên tại công ty, thể hiện tính đa dạng hóa về hình thức thanh toán, thuận lợi trong việc luân chuyển tiền tệ.

2.5.2.1. Chứng từ Công ty sử dụng.

Công ty Cổ phần Cổ phần Công Trình Giao thông Hải Phòng sử dụng hệ thống chứng từ và sổ sách trong kế toán tiền gửi Ngân hàng.

- . Giấy nộp tiền
- . Giấy báo nợ
- . Giấy báo có
- . Sổ phụ Ngân hàng
- . Sổ tiền gửi Ngân hàng
- . Ủy nhiệm chi
- . Sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng
- . Nhật ký chứng từ số 02
- . Bảng kê số 02
- . Sổ cái TK 112
- . Các sổ kế toán tổng hợp liên quan.

Sơ đồ : Hình thức ghi sổ của công ty



Ghi chú:

—————> : Ghi hàng ngày

—————> : Ghi cuối kỳ

◄-----> : Đối chiếu, kiểm tra

Trình tự ghi sổ kế toán:

- Căn cứ các chứng từ thu chi, tiền gửi Ngân hàng, hàng ngày kế toán vào sổ tiền gửi Ngân hàng đồng thời vào sổ chi tiết tài khoản tiền gửi Ngân hàng. Đến cuối tháng kế toán cộng phát sinh và đối chiếu số dư với Sổ phụ Ngân hàng.

- Đồng thời vào kê số 02 hàng ngày và cuối tháng kế toán căn số liệu các chứng từ gốc, bảng kê số 2, sổ chi tiết tài khoản 112 để vào Nhật ký chứng từ số 02, kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu từ nhật ký chứng từ số 2, sổ chi tiết, sổ tổng hợp có liên quan để vào Sổ cái TK 112.

- Sau đó kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ số 02 và Sổ cái để lên Báo cáo tài chính.

2.5.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 111: Tiền mặt
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 136 : Phải thu nội bộ
- TK 141: Tạm ứng
- TK 311: Vay ngắn hạn
- TK 333: Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước
- TK 337: Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng
- TK 338: Phải trả, phải nộp khác
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 627: Chi phí sản xuất chung
- TK 635: Chi phí tài chính
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Một số TK khác.

2.5.2.3. Sổ sách Công ty sử dụng.

Sổ sách, mẫu sổ và phương pháp ghi chép các loại sổ tại DN đều tuân theo chế độ kế toán hiện hành và quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

a) Đối với tiền gửi Ngân hàng là Đồng Việt Nam.

Căn cứ để ghi nhận các nghiệp vụ liên quan tới tiền gửi Ngân hàng của Công ty là các Giấy báo có, Giấy báo nợ hoặc các Bảng sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc như Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, Séc chuyển khoản... Khi nhận được các chứng từ do Ngân hàng gửi tới, Kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có số chênh lệch thì phải báo cáo với Ngân hàng để hai bên có biện pháp xử lý. Sau đó kế toán vào các sổ sách liên quan tương tự như nghiệp vụ với hoạt động tiền mặt.

Ví dụ 1. Ngày 29/12/2012 Công ty TNHH MTV cảng Hải Phòng trả tiền KLCT XD1 Tân Cảng với số tiền 61.794.000.

- Căn cứ vào Lệnh chuyên có, Sổ phụ Ngân hàng kế toán vào Sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng TK1121.
- Căn cứ Giấy báo có, Sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng TK1121 kế toán vào Bảng kê số 02.
- Cuối tháng từ số liệu ở Bảng kê số 02, sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng sau đó kế toán vào Sổ cái TK 1121.
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ Sổ cái TK 112 và các sổ chi tiết liên quan để lên Báo cáo tài chính.

BIDV

LỆNH CHUYÊN CÓ

**NH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM**

Mã KS: PVK2316

Loại giao dịch: giấy báo có giá trị thấp

Số hiệu giao dịch: 10000155

Ngân hàng gửi: Vietcombank Hai Phong

Ngân hàng nhận: BIDV Hai Phong

Số bút toán: 00000026

Thời điểm TTXL:

Ngày, giờ nhận:

29/12/2012 – 14:25:12

Mã NH: 31502001 TK nợ: 1121

Mã NH: 31303001 TK có: 331

Người phát lệnh: CTY TNHH MTV HẢI PHÒNG

Địa chỉ/ số CMND: 8A Trần Phú – Ngô Quyền – Hải Phòng

Tài khoản: 3010390002

Tại NH: Vietcombank HP

Người nhận lệnh: CTY CP CONG TRINH GIAO THONG HAI PHONG

Địa chỉ/ số CMND:

Tài khoản: 32110000000319 Tại NH: BIDV HP

Chương – loại – khoản – mục:

Nội dung: CTY CP CONG TRINH GIAO THONG HAI PHONG – TRA TIEN KLCT
XD1 TAN CANG

Số tiền bằng số: 61.794.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi một triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng.

Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam

Đơn vị: chi nhánh Hải Phòng

Ngày số liệu: 29/12/2012

SỔ PHỤ TIỀN GỬI THANH TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP

SỐ TÀI KHOẢN: 32110000000319 (VNĐ) TÀI KHOẢN CŨ:
 TÊN KHÁCH HÀNG: CTY CP CONG TRINH GIAO THONG HAI PHONG
 NGÀY PHÁT SINH TRƯỚC: 29/12/2012
 SỐ DƯ ĐẦU NGÀY: 17.225.291

SỐ GD	Diễn giải	Rút	Gửi
FT12548756	CTY TNHH MTV Trả tiền		61.794.000

CỘNG PHÁT SINH TRONG NGÀY:			61.794.000
SỐ DƯ CUỐI NGÀY :			79.019.291

Ví dụ 2. Ngày 31/12/2011 Công ty nhận Giấy báo có về lãi tiền gửi Ngân hàng tháng 12 với số tiền 1.156.687 tại Ngân hàng BIDV.

- Căn cứ vào Giấy báo có, Sổ phụ Ngân hàng kế toán vào Sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng TK1121.
- Căn cứ Giấy báo có, Sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng TK1121 kế toán vào Bảng kê số 02.
- Cuối tháng từ số liệu ở Bảng kê số 02, kế toán vào Sổ cái TK 112.
- Cuối quý tổng hợp số liệu lập Báo cáo tài chính.

NH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN
HẢI PHÒNG

IBT - ONLINE

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2012

Trụ sở chính :

TK ghi có : 515

Người trả tiền : NH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG Số tài khoản :

Địa chỉ :

Đơn vị thụ hưởng : CT CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG.

Số TK tại BIDV Hải Phòng : 32110000000319

Số CMTND :

Đại chỉ : Số 708 Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Nội dung : Lãi tiền gửi tháng 12/ 2012

Số tiền bằng số : 1.156.687

Số tiền bằng chữ : Một triệu một trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng.

Ví dụ 3. Ngày 27/12/2012 Công ty mua 2 bộ máy tính để bàn tại Công ty TNHH Máy tính hoàng Cường với số tiền là 22.800.000. Thuế GTGT 10%.

- Căn cứ hóa đơn GTGT , Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ kế toán vào Sổ chi tiết TK 1121

- Căn cứ Giấy báo nợ, Sổ chi tiết kế toán vào NKCT 02

- Từ NKCT 02 kế toán vào Sổ cái TK 112

- Cuối quý tổng hợp số liệu vào Báo cáo tài chính.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT 3/001

Ký hiệu: AA/12P

Liên 2: Giao người mua

Số: 0041296

Ngày 27 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Máy tính Hoàng Cường

Địa chỉ: Số 6 Tô Hiệu – Trại Cau – Lê Chân – Hải Phòng

Điện thoại: 031 3610 711

Họ và tên người mua hàng :

Tên đơn vị: Công ty CP Công trình giao thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Số tài khoản: 32110000000319

Hình thức thanh toán: Tiền gửi ngân hàng

MST: : 0200172020

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua máy tính để bàn	Cái	2	11.400.000	22.800.000
	Cộng tiền hàng				
Thuế GTGT 10%			Tiền thuế GTGT		2.280.000
Tổng cộng tiền thanh toán					25.080.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi năm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng					

Người bán hàng
(Đã ký)

Người mua hàng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

BIDV	ỦY NHIỆM CHI
Ngân hàng đầu tư và phát triển	
Cá nhân/ đơn vị chuyển tiền: CTY CP CONG TRINH GIAO THONG HAI PHONG	
Tài khoản: 32110000000319	
Cá nhân/ đơn vị thụ hưởng: CTY TNHH MAY TINH HOANG CUONG	
TK: 04800037964	
Địa chỉ/ Số điện thoại: 0987474170	
Tại Ngân hàng Vietin Bank	Tỉnh/TP: HP
Số tiền bằng số: 25.080.000 đồng	
Số tiền bằng chữ: Hai mươi năm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng.	
CHỦ TÀI KHOẢN	KẾ TOÁN
	TRƯỞNG ĐƠN VỊ

GIẤY BÁO NỢ		Số/ Seq No: 044
CREDIT ADVICE		Ngày: 27/12/2012
Số tài khoản/ Account No: 1234009867		
Tên tài khoản/ Account Name: Công ty TNHH máy tính Hoàng Cường		
Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo:		
Kính gửi/ To: Công ty CP Công trình Giao thông Hải Phòng	của Quý khách đã được ghi Nợ với nội dung sau:	
Ngày hiệu lực Effective Date	Số tiền Amount	Loại tiền Currency
27/12/2012	25.080.000	VNĐ
Diễn giải Particulars		
Cty thanh toán tiền mua máy tính để bàn của Công ty TNHH máy tính Hoàng Cường		
Giao dịch viên		Kiểm soát viên

Ví dụ 4. Ngày 31/12/2012 Bà Trinh trả tiền mua lịch treo tường 2013 của Công ty Cổ Phần Phát hành Sách Hải Phòng với số tiền 2.900.000. Thuế GTGT 10%.

- Căn cứ hóa đơn GTGT , Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ kế toán vào Sổ chi tiết TK 1121

- Căn cứ Giấy báo nợ, Sổ chi tiết kế toán vào nhật ký chứng từ số 02

- Từ nhật ký chứng từ số 02 kế toán vào Sổ cái TK 112

- Cuối quý tổng hợp số liệu vào Báo cáo tài chính.

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT 3/001

Ký hiệu: AA/12P

Liên 2: Giao người mua

Số: 0002257

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Phát hành Sách Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Phan Bội Châu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Điện thoại: 0313 3839201

Họ và tên người mua hàng : Nguyễn Hồng Trinh

Tên đơn vị: Công ty CP Công trình giao thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Số tài khoản: 32110000000319

Hình thức thanh toán: Tiền gửi ngân hàng

MST: : 0200172020

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Lịch treo tường	Tập	50	58.000	2.900.000
	Cộng tiền hàng				
	Thuế GTGT 10%		Tiền thuế GTGT		290.000
	Tổng cộng tiền thanh toán				3.190.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu một trăm chín mươi nghìn.					

Người bán hàng
(Đã ký)

Người mua hàng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

BIDV	ỦY NHIỆM CHI
Ngân hàng đầu tư và phát triển	
Cá nhân/ đơn vị chuyển tiền: CTY CP CONG TRINH GIAO THONG HAI PHONG	
Tài khoản: 32110000000319	
Cá nhân/ đơn vị thụ hưởng: CONG TY CP PHAT HANH SACH HAI PHONG	
TK: 06800027501	
Địa chỉ/ Số điện thoại: 0313. 383 9201	
Tại Ngân hàng Vietcombank	Tỉnh/TP: HẢI PHÒNG
Số tiền bằng số: 3.190.000 đồng	
Số tiền bằng chữ: Ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng	
CHỦ TÀI KHOẢN	KẾ TOÁN
	TRƯỞNG ĐƠN VỊ

GIẤY BÁO NỢ		Số/ Seq No: 045	
CREDIT ADVICE		Ngày: 31/12/2012	
Số tài khoản/ Account No: 06800027501		Tên tài khoản/ Account Name: Công ty Cổ Phần Phát hành Sách Hải Phòng	
Kính gửi/ To: Công ty CP Công trình Giao thông Hải Phòng		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: của Quý khách đã được ghi Nợ với nội dung sau:	
Ngày hiệu lực Effective Date	Số tiền Amount	Loại tiền Currency	Diễn giải Particulars
31/12/2012	3.190.000	VNĐ	Cty thanh toán tiền mua lịch năm 2013 của Công ty Cổ Phần Phát hành Sách Hải Phòng
Giao dịch viên		Kiểm soát viên	

Đơn vị: Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng
Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Mẫu số S04b2 – DN
(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 2
Ghi nợ TK 112- Tiền gửi ngân hàng
Tháng 12/ 2012

Số dư đầu tháng: 1.024.269.898

STT	NT	GHI NỢ TK 112, GHI CÓ CÁC TK								CỘNG NỢ TK 112	SỐ DƯ CUỐI NGÀY
		111	131	141	3115	331	3337	515	635		

628	29/12		61.794.000							61.794.000	13.209.034.973
629	31/12							1.156.687		12.762.487	13.221.797.460
Cộng		1.792.055.800	9.814.194.823	348.383.000	925.175.000	2.320.000	35.000.000	6.202.837	21.724.000	13.221.797.460	13.221.797.460

Số dư cuối tháng: 13.221.797.460

Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Hải Phòng

Mẫu số S07a2-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG
TÀI KHOẢN 112**

Tháng 12/ 2012

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày Tháng ghi số	Ngày Tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Nợ	Có		
				- Số tồn đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ				<u>1.024.269.898</u>	
...	
27/12	27/12		CVP308	Trả tiền mua máy tính để bàn	331 133		22.800.000 2.280.000	17.225.291	
29/12	29/12	TVP80		Thu tiền từ công ty TNHH MTV	131	61.794.000		79.019.291	
29/12	31/12	TBIDV12		Nhận tiền lãi NH BIDV tháng 12	515	1.156.687		80.175.978	
29/ 12	31/12		CVP309	Trả tiền mua lịch treo tường	642 133		3.192.200 319.220	76.664.558	
				- Cộng số phát sinh trong kỳ	X			X	X
				- Số tồn cuối kỳ	X	X	X	<u>76.664.558</u>	X

Đơn vị: Công ty CP Công trình giao thông Hải Phòng

Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Mẫu số S04a2 – DN

(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

Ghi có Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng

Tháng 12/ năm 2012

TT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112, ghi nợ các TK										Cộng có TK 112	
	Số hiệu	Ngày tháng		111	133	1368	141	311	331	333	338	627	635		642
...
628	628	27/12	Trả tiền mua mua máy tính để bàn		2.280.000				22.800.000						25.080.000
629	629	30/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	60.000.000											60.000.000
630	630	31/12	Trả tiền mau lịch treo tường năm 2013		319.220									3.192.200	3.511.420
			Cộng	2.320.000.000	46.569.410	429.277.000	100.387.426	10.521.400.000	682.806.000	6.030.910	19.800.000	17.344.200	15.184.000	10.603.854	14.169.402.800

Đơn vị: Công ty CP Công trình giao thông Hải Phòng
Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
(Theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản : 112 – Tiền gửi ngân hàng
Trích tháng 12/ 2012

SDĐK	
Nợ	Có
3.994.234.266	

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 11	Tháng 12	Cộng				
TK 111	...	1.792.005.800	14.929.368.000				
TK 131	...	9.814.194.823	168.694.603.348				
TK 141	...	348.383.000	2.674.990.000				
TK 3115	...	925.175.000	28.711.015.000				
TK 331	...	2.320.000	6.224.000				
TK 3337	...	35.000.000	147.000.000				
TK 515	...	6.202.837	26.488.204				
TK 635	...	21.724.000	114.074.600				
Cộng số phát sinh nợ	...	13.221.797.460	215.303.763.152				
Cộng số phát sinh có	...	14.169.402.800	219.221.332.860				
SDCK <table border="0" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td style="border: none;">┌</td> <td style="border: none;">Nợ</td> </tr> <tr> <td style="border: none;">└</td> <td style="border: none;">Có</td> </tr> </table>	┌	Nợ	└	Có	1.024.269.898	76.664.558	76.664.558
┌	Nợ						
└	Có						

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3.**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ
TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG
TRÌNH GIAO THÔNG HẢI PHÒNG****3.1. Đánh giá chung.****3.1.1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.**

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập tới nay, Công ty đã trải qua rất nhiều những khó khăn thử thách để tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Trong suốt những năm tồn tại đó Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên đã cùng nhau từng bước tháo gỡ những khó khăn thử thách để dần khẳng định vị thế của Công ty. Kết quả đó không đơn thuần sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, trình độ làm việc của Công ty. Điều đó đã đem lại công ăn việc làm cho nhiều lao động và đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

+ Mô hình quản lý sản xuất kinh doanh: Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Hải Phòng đã năng động xây dựng mô hình quản lý khoa học, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Bộ máy quản lý hoạt động có hiệu quả giúp cho Ban lãnh đạo công ty quản lý sản xuất kinh doanh dễ dàng hơn, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Công ty đã ký kết được nhiều các Hợp đồng kinh tế với đối tác, tạo được lòng tin với khách hàng. Điều đó chứng tỏ sự nhạy bén trong quản lý và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Công ty thường xuyên chú trọng đến công tác quản lý nhân sự, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ công nhân viên bằng cách cho họ theo học các lớp nghiệp vụ. Đặc biệt với đội ngũ nhân viên văn phòng, Công ty đã khuyến khích và tạo điều kiện cho họ đi học các lớp Đại học tại chức và Cao học. Bên cạnh đó công ty còn có những biện pháp khen thưởng, kỷ luật và động viên kịp thời tới cán bộ công nhân viên trong Công ty nhằm tạo kỷ cương lao động trong Công ty.

+ Về công tác kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ. Đây là sự lựa chọn phù hợp với loại hình hoạt động cũng như quy mô của

Công ty. Hình thức kế toán này hạn chế được số lượng sổ sách kế toán công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách thuận lợi và dễ dàng, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công tác. Đặc biệt công tác kế toán còn có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nên giảm nhẹ khối lượng công việc mà vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý của Công ty.

+ Bộ máy kế toán: Công ty tổ chức một cách hợp lý, hoạt động có nề nếp. Cán bộ kế toán nhiệt tình, yêu nghề, tiếp cận kịp thời về chế độ kế toán hiện hành và vận dụng nó một cách linh hoạt, khoa học. Giữa các cán bộ kế toán có tinh thần tương trợ lẫn nhau trong công việc để công việc đem lại hiệu quả cao.

3.1.2. Nhận xét về công tác kê toán vốn bằng tiền.

3.1.2.1. Ưu điểm.

Sau thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng dựa vào những hiểu biết, nhận thức của bản thân. Em nhận thấy công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty đã có nhiều cố gắng nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay, cụ thể:

+ Bộ máy kế toán:

Để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán Vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty đã được quan tâm chú trọng ở mức độ nhất định với các biện pháp quản lý kinh tế nói chung. Với bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kết hợp tập trung và phân tán đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo và bảo đảm sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt Công ty có đội ngũ kế toán có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tiếp cận kịp thời và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo chế độ kế toán hiện hành, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

+ Hình thức kế toán:

Với hệ thống kế toán ban hành Công ty vận dụng vào thực tế một cách linh hoạt, hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ được áp dụng trong công tác kế toán hoàn toàn hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:

Các thủ tục chứng từ liên quan đến hạch toán Vốn bằng tiền được thực hiện đầy

đủ. Từ những công việc hạch toán bán đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi Vốn bằng tiền, kế toán Vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra. Tổ chức hệ thống BCTC và Báo cáo thống kê nội bộ đầy đủ kịp thời để lãnh đạo Công ty nắm bắt tình hình nhanh chóng.

+ Về sổ sách kế toán:

Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu chi của Tiền mặt (TK 111), Tiền gửi Ngân hàng (TK112) như: Sổ quỹ tiền mặt; Sổ tiền gửi Ngân hàng; Sổ cái TK111, 112. Điều đó được thể hiện trong công việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

+ Trong hạch toán kế toán:

Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện cho việc theo dõi.

- Hạch toán tiền mặt: Việc lập Sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các Phiếu thu, Phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu các số liệu với Sổ quỹ được nhanh chóng, thuận tiện dễ dàng, chính xác. Giúp phát hiện được những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời.

- Hạch toán tiền gửi Ngân hàng: Việc lập Sổ tiền gửi Ngân hàng căn cứ vào Giấy báo Nợ, Giấy báo Có cũng giúp cho kế toán theo dõi, quản lý lượng tiền gửi được tốt hơn.

+ Cập nhật thông tin:

Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính và công tác hạch toán Vốn bằng tiền. Hơn thế, trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán kế toán tại một số phần hành kế toán Công ty đã kịp thời cập nhật để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

+ Đào tạo nhân lực:

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên

trong toàn Công ty nói chung và với phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mở rộng tầm hiểu biết, đáp ứng kịp thời thay đổi của những chế độ kế toán hiện hành.

3.1.2.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm trên, do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán Vốn bằng tiền nói riêng ở Công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định cần phải được nghiên cứu để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện, cụ thể:

1) **Không sử dụng Bảng kê chi tiền:** Công ty không sử dụng Bảng kê chi tiền nên không liệt kê được các khoản tiền đã chi, để làm quyết toán các khoản đã chi. Gây khó khăn cho việc quản lý, đối chiếu kiểm tra số liệu.

2) **Không hạch toán tiền đang chuyển:** Công ty không hạch toán tiền đang chuyển đã không phản ánh được đúng trách nhiệm quản lý vốn. Vì phạm vi hoạt động của Công ty khá rộng nên đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng Công ty chưa nhận được thông báo về khoản được thụ hưởng đó từ Ngân hàng (Giấy báo Có, Bản sao kê của Ngân hàng) nhưng hiện nay Công ty lại không sử dụng TK113 - Tiền đang chuyển để theo dõi những khoản đó.

3) **Không tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ:** Công ty không tiến hành kiểm kê quỹ do đó không xác định được số chênh lệch quỹ (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với Sổ quỹ. Để từ đó tăng cường quản lý quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

3.2. Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện:

Như chúng ta đã biết: Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì vấn đề sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp cần phải có chiến lược phát triển tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Hải Phòng nói riêng và cả doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ lệ lớn trong vốn kinh doanh. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng Vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn

phải hạn chế những tồn tại để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Mục đích và yêu cầu hoàn thiện.

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán để tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán Vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành.
- Phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Với tư cách là một sinh viên thực tập được sự hướng dẫn của các thầy cô và sự chỉ bảo nhiệt tình của các cô chú trong công ty nhất là các cô chú trong phòng Kế toán. Em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến của mình nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty.

3.3. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức và khắc phục nhược điểm công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.

Kiến nghị 1: Hoàn thiện về chứng từ.

- Mục đích mở Bảng kê chi tiền :
 - Liệt kê được các khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán.
 - Giúp cho việc quản lý tiền mặt chính xác và chặt chẽ hơn. Bảng kê dùng để tránh rủi ro khi thu chi tiền mặt nếu có sai sót thì sẽ dễ tìm ra, và đối chứng rõ ràng nhất.
 - Thuận lợi cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu.

Cuối tháng thì cộng dồn trên bảng kê và tiến hành kiểm tra giữa phiếu chi và bảng kê, giữa tồn quỹ trên sổ và tồn quỹ thực tế.

- Cách viết bảng kê chi tiền :
 - Góc bên trái ghi rõ tên đơn vị. Phần đầu ghi rõ họ tên, bộ phận, địa chỉ của người chi tiền và ghi rõ nội dung chi cho việc gì.

- Cột A,B,C,D ghi rõ số thứ tự, số hiệu, ngày, tháng chứng từ và diễn giải nội dung chi của từng chứng từ.

- Cột 1 : ghi số tiền.

Bảng kê chi tiền phải ghi rõ tổng số tiền bằng chữ và số chứng từ gốc đính kèm.

Bảng kê chi tiền được lập thành 2 bản :

- 1 bản lưu ở thủ quỹ.
- 1 bản lưu ở kế toán quỹ.

Ví dụ: Ngày 31/12/ 2012 Ông Bình phòng Kinh tế - kỹ thuật thanh toán chi phí tiếp khách Hợp tác xã An Đông Trang với số tiền 4.710.000. Thuế GTGT 10%.

Bảng kê chi tiền được lập như sau :

Đơn vị: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng *Mẫu số: 09 - TT*

Bộ phận: Phòng Kinh tế - Kỹ thuật (*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC*

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ CHI TIỀN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Họ và tên người chi: Phạm Văn Bình.....

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng Kinh tế - Kỹ thuật

Chi cho công việc: Tiếp khách tại Hợp Tác Xã An Đông Trang

STT	Chứng từ		Nội dung chi	Số tiền chi
	Số hiệu	Ngày tháng		
A	B	C	D	E
1	653	31/12	Tiếp khách tại Hợp Tác Xã An Đông Trang	5.181.000
Cộng				5.181.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng.

(Kèm theo 02 chứng từ gốc)

Người lập bảng
(ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(ký, họ tên)

Người duyệt
(ký, họ tên)

Kiến nghị 02: Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển.

Hiện nay Công ty không sử dụng TK 113 - Tiền đang chuyển để hạch toán.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có.

- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ.

- Đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được bản sao kê của Ngân hàng.

- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

Khi nghiệp vụ tiền đang chuyển rơi vào cuối kì kế toán hàng tháng hoặc hàng năm. Trường hợp cuối tháng lên BCTC mà có phát sinh tiền khách hàng đang chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu tháng sau). Nếu trường hợp này không sử dụng TK 113 thì số dư công nợ cuối năm trên BCTC không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận công nợ với khách hàng khi có kiểm toán.

Vì vậy công ty nên sử dụng TK 113 để hạch toán nhằm đảm bảo tính chính xác và cập nhật về tiền.

Kiến nghị 03: Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt.

- Mục đích nên mở Bảng kiểm kê quỹ :

- Xác nhận tiền mặt bằng đồng Việt nam tồn quỹ thực tế và số chênh lệch thừa, thiếu so với sổ quỹ

- Trên cơ sở đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

- Cách ghi Bảng kiểm kê quỹ(dùng cho VNĐ)

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê(...giờ ...ngày ...tháng ...năm). Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả cá phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Khi tiến hành kiểm kê phải lập ban kiểm kê, trong

đó, thủ quỹ và kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên.

- Góc trên bên trái phải ghi rõ tên đơn vị(hoặc đóng dấu), bộ phận.
- Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ.
- Dòng “ số dư theo quỹ”: Căn cứ vào số tồn quỹ trên sổ quỹ tại ngày, giờ cộng sổ kiểm kê quỹ để ghi vào cột 4.
- Dòng “ Sổ kiểm kê thực tế” : Căn cứ vào sổ kiểm kê thực tế để ghi theo từng loại tiền vào cột 2, số lượng tiền cột 3 và tính ra tổng số tiền để ghi vào cột 4.
- Dòng chênh lệch: Ghi số chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số dư theo sổ quỹ với số kiểm kê thực tế.

Trên Bảng kiểm kê quỹ cần phải xác định và ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa hoặc thiếu quỹ, có ý kiến nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm kê. Bảng kiểm kê phải có chữ ký của thủ quỹ, Trưởng ban kiểm kê và kế toán trưởng. Mọi chênh lệch phải báo cáo giám đốc doanh nghiệp xem xét và giải quyết.

Bảng kiểm kê quỹ do ban kiểm kê quỹ lập thành 2 bản :

- 1 bản lưu ở thủ quỹ.
- 1 bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Ví dụ : Vào 15 giờ 00 ngày 30/ 06/ 2012. Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Hải Phòng tiến hành kiểm kê quỹ. Ban kiểm quỹ :

1. Ông Ngô Trọng Lý – Phó Giám đốc Công ty
2. Bà Nguyễn Thị Phương – Kế toán trưởng.
3. Bà Nguyễn Hồng Trinh – Kế toán viên.

Kết quả : Số dư theo Sổ quỹ bằng với Số kiểm kê thực tế. Đủ tiền.

Bảng kiểm kê quỹ tiền mặt được lập theo mẫu sau:

Đơn vị: Công ty CP Công trình Giao thông Hải Phòng

Mẫu số 08a - TT

Số 708, đường Nguyễn Văn Linh, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào 15 giờ 00 ngày 30 tháng 06 năm 2012

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà: Ngô Trọng Lý, đại diện Trưởng ban.....

Ông/Bà: Nguyễn Thị Phương, đại diện Ủy viên.....

Ông/Bà: Nguyễn Hồng Trinh, đại diện Ủy viên.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

Loại tiền : VNĐ

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	C	D
I	Số dư theo Sổ quỹ	X	379.706.000
II	Số kiểm kê thực tế	X	379.706.000
	Trong đó:		
1	Loại : 500.000	450	255.000.000
2	Loại : 200.000	411	82.200.000
3	Loại : 100.000	723	72.300.000
4	Loại : 50.000	5	250.000
5	Loại : 20.000		
6	Loại : 10.000	1	10.000
7	Loại : 5.000	1	5.000
8	Loại : 2000		
9	Loại : 1.000	1	1.000
III	Chênh lệch (III = I - II)		0

Lý do: Thừa:

Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Đủ tiền

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chỉ trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay công tác kế toán Vốn bằng tiền là một trong những biện pháp tất yếu không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp. Thông qua số liệu do bộ phận kế toán tập hợp và cung cấp giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp dễ dàng đưa ra được những quyết định kinh doanh hợp lý mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Qua quá trình rèn luyện ở nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng đã giúp em nhận thức sâu sắc hơn về công tác hạch toán kinh tế trong quản lý kinh doanh. Với thời gian thực tập không dài, nguồn nhân lực và kinh nghiệm thực tế bản thân còn hạn chế em xin phép được trình bày những hiểu biết hạn hẹp và một số ý kiến nhỏ của mình góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.

Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến nhận xét của ban lãnh đạo công ty, cán bộ phòng kế toán cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản Trị Kinh Doanh để giúp em nâng cao kiến thức và sự hiểu biết về chuyên môn ngày một vững vàng hơn.

Qua đây em xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành của mình đến giáo viên hướng dẫn của em **ThS: Lê Thị Nam Phương** người đã chỉ bảo và giúp đỡ em rất nhiều trong việc hoàn thành bài khóa luận này. Em xin cảm ơn ban lãnh đạo cùng các cô chú trong phòng kế toán Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong thời gian thực tập vừa qua.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 22 tháng 11 năm 2014

Sinh viên

Vũ Đức Võ

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách lý thuyết và thực hành Kế toán tài chính của PGS – TS Nguyễn Văn Công (Trường ĐH Kinh tế Quốc dân).
2. Sách nguyên lý kế toán của các tác giả: TS Trần Quý Liên, ThS Trần Văn Thuận, ThS Phạm Thành Long (Trường ĐH Kinh tế Quốc dân).
3. Quyết định 15/2006 QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
4. Quyết định 48/2006 QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
5. Các tài liệu thực tế tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng.